

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Nguyễn Thị Huyền Trang**

**Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Thảo**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VẬN TẢI  
THÀNH TRẠNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN**

**Sinh viên :Nguyễn Thị Huyền Trang  
Giảng viên hướng dẫn:Ths. Trần Thị Thanh Thảo**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Huyền Trang Mã SV:1312401092

Lớp: QT1704K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định  
kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Xuất  
Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Trình bày các cơ sở lý luận về tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
  - Mô tả thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang.
  - Đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả tại công ty Thành Trang
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.
  - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp.
  - Hệ thống sổ sách kế toán liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang, sử dụng số liệu năm 2015.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
  - Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang
  - Địa chỉ: Số 21-Thư Trung, Phường Đằng Lâm, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang.

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 10 tháng 10 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

**Nguyễn Thị Huyền Trang**

**Ths. Trần Thị Thanh Thảo**

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2016*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGŨ Trần Hữu Nghị**

## **PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

### **1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

Sinh viên Trang trong quá trình thực tập tốt nghiệp chấp hành tốt các quy định của giáo viên hướng dẫn cả về thời gian và nội dung yêu cầu hướng dẫn. Ngoài ra sinh viên Trang còn chăm chỉ chịu khó tìm hiểu lý thuyết và thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang để phục vụ cho bài viết khóa luận do đó bài viết số liệu khá phong phú và có tính logic cao

### **2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

-Chương 1: Đưa ra được cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

-Chương 2: Mô tả được chi tiết thực trạng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang theo hình thức kế toán Nhật ký chung. Số liệu bài viết khá phong phú và logic cho thấy quá trình nghiên cứu sâu sắc của tác giả.

-Chương 3: Đưa ra được những nhận xét ưu nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh từ đó đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán này tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang.

### **3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2016*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

***Ths.Trần Thị Thanh Thảo***

## MỤC LỤC

|   |    |
|---|----|
| <b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....   | 1  |
| <b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.</b> ... | 3  |
| 1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....    | 3  |
| 1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....  | 3  |
| 1.1.2. Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh...                                     | 3  |
| 1.1.2.1. Doanh thu .....  | 3  |
| 1.1.2.2. Chi phí .....  | 4  |
| 1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.....   | 5  |
| 1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh                                       | 6  |
| 1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .....          | 6  |
| 1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....  | 6  |
| 1.2.1.1. Các phương thức tiêu thụ .....   | 6  |
| 1.2.1.2. Chứng từ sử dụng .....   | 7  |
| 1.2.1.3. Tài khoản sử dụng .....  | 7  |
| 1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....  | 8  |
| 1.2.2.1. Chứng từ sử dụng .....   | 8  |
| 1.2.2.2. Tài khoản sử dụng .....  | 8  |
| 1.2.2.3. Phương pháp hạch toán .....  | 9  |
| 1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....  | 9  |
| 1.2.3.1. Các phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho.....  | 9  |
| 1.2.3.2. Chứng từ sử dụng .....   | 10 |
| 1.2.3.3. Tài khoản sử dụng .....  | 10 |
| 1.2.3.4. Phương pháp hạch toán .....  | 11 |
| 1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....   | 12 |
| 1.2.4.1. Chứng từ sử dụng .....   | 12 |
| 1.2.4.2. Tài khoản sử dụng .....  | 12 |
| 1.2.4.3. Phương pháp hạch toán .....  | 13 |
| 1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....                                    | 14 |
| 1.2.5.1. Chứng từ sử dụng .....   | 14 |
| 1.2.5.2. Tài khoản sử dụng .....  | 14 |

|  |           |
|--|-----------|
| 1.2.5.3. Phương pháp hạch toán .....   | 15        |
| 1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....   | 17        |
| 1.2.6.1. Chứng từ sử dụng .....  | 17        |
| 1.2.6.2. Tài khoản sử dụng .....   | 17        |
| 1.2.6.3. Phương pháp hạch toán .....   | 18        |
| 1.2.7. Kế toán xác định kết quả các hoạt động kinh doanh.....  | 20        |
| 1.2.7.1. Chứng từ sử dụng .....  | 20        |
| 1.2.7.2. Tài khoản sử dụng .....   | 20        |
| 1.2.7.3. Phương pháp hạch toán .....   | 20        |
| 1.2.8. Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh qua các hình thức kế toán .....   | 21        |
| 1.2.8.1. Hình thức Nhật ký - Sổ cái.....   | 21        |
| 1.2.8.2. Hình thức Chứng từ ghi sổ .....   | 21        |
| 1.2.8.3. Hình thức Nhật ký chung .....   | 22        |
| 1.2.8.4. Hình thức kế toán máy .....   | 24        |
| <b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VẬN TẢI THÀNH TRANG.....</b> | <b>25</b> |
| 2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang .....   | 25        |
| 2.1.1. Quá trình hình thành phát triển .....   | 25        |
| 2.1.2. Ngành nghề kinh doanh .....   | 25        |
| 2.1.3. Chức năng nhiệm vụ của công ty .....  | 26        |
| 2.1.4. Cơ cấu tổ chức.....   | 26        |
| 2.1.5. Tổ chức kế toán công ty .....   | 27        |
| 2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....   | 27        |
| 2.1.5.2. Chế độ và chính sách kế toán của công ty .....  | 28        |
| 2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang .....            | 28        |
| 2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang .....   | 28        |
| 2.2.1.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng .....   | 28        |
| 2.2.1.2. Quy trình hạch toán .....   | 29        |
| 2.2.1.3. Ví dụ thực tế tại công ty .....   | 29        |



|   |    |
|---|----|
| 2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang .....  | 34 |
| 2.2.2.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng .....  | 34 |
| 2.2.2.2. Quy trình hạch toán .....  | 34 |
| 2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang.....   | 37 |
| 2.2.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng .....  | 37 |
| 2.2.3.2. Quy trình hạch toán .....  | 37 |
| 2.2.3.3. Ví dụ thực tế tại công ty .....  | 38 |
| 2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang .....                                    | 45 |
| 2.2.4.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng .....  | 45 |
| 2.2.4.2. Quy trình hạch toán .....  | 45 |
| 2.2.4.3. Ví dụ thực tế tại công ty .....  | 46 |
| 2.2.5. Kế toán thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang .....   | 52 |
| 2.2.5.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng .....  | 52 |
| 2.2.5.2. Quy trình hạch toán .....  | 52 |
| 2.2.6.3. Ví dụ thực tế tại công ty .....  | 53 |
| 2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang.....  | 60 |
| 2.2.6.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng .....  | 60 |
| 2.2.6.2. Quy trình hạch toán .....  | 60 |
| 2.2.6.3. Ví dụ thực tế tại công ty .....  | 61 |
| <b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VẬN TẢI THÀNH TRANG</b> .....         | 68 |
| 3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang ..... | 68 |
| 3.1.1. Ưu điểm.....   | 69 |
| 3.1.2. Hạn chế.....   | 70 |

|   |    |
|---|----|
| 3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang..... | 70 |
| <b>KẾT LUẬN</b> .....   | 76 |

## LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay khi nền kinh tế thế giới đang trên đà phát triển với trình độ ngày càng cao thì nền kinh tế Việt nam cũng đã hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Một quốc gia muốn phát triển thì không còn con đường nào khác là phải hòa nhập. Kể từ khi thực hiện chính sách kinh tế mở, thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều nước trên thế giới, các doanh nghiệp đã phát triển rất đa dạng và mạnh mẽ, bước đầu tham gia vào thương trường quốc tế. Để đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp, một trong những biện pháp được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm hiện nay là công tác kế toán tài chính.

Trong công tác quản lý kinh tế thì công tác kế toán là một công cụ quản lý quan trọng của doanh nghiệp, với những thông tin mà kế toán cung cấp thì các nhà quản lý doanh nghiệp sẽ hiểu rõ hơn về tình hình quản lý của doanh nghiệp mình, đồng thời cũng có thể phân tích và đánh giá được tình hình sử dụng vốn, lao động và các nguồn lực đầu vào của doanh nghiệp, qua đó có thể sử dụng hợp lý hơn và tiết kiệm được nguồn lực mà vẫn tăng được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là một biện pháp để tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp, ngoài ra có thể nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, góp phần khẳng định uy tín cũng như thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường.

Từ ý nghĩa và vai trò của công tác kế toán, qua việc áp dụng kiến thức đã học và thời gian tìm hiểu tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang em xin trình bày bài khóa luận của mình. Nội dung bài khóa luận của em gồm 3 chương:

- *Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.*
- *Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang*
- *Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang.*

Do việc áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế còn gặp nhiều khó khăn và do bản thân còn hạn chế về kiến thức lý luận cũng như thực tiễn nên bài khóa luận không thể tránh khỏi những sai sót nhất định, vì vậy em rất mong được sự đóng góp ý kiến bổ sung từ quý Thầy, Cô.

Đồng thời em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của cô Trần Thị Thanh Thảo và sự hướng dẫn nhiệt tình của các cô chú, anh chị trong công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này.

## **CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.**

### **1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

#### **1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Để quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có rất nhiều công cụ khác nhau, trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết vai trò của mình, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như doanh thu, chi phí và kết quả xác định kinh doanh nói riêng. Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là một việc làm hết sức cần thiết, giúp nhà quản lý nắm bắt tình hình quản lý chi phí, doanh thu và có biện pháp tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **1.1.2. Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

##### **1.1.2.1. Doanh thu**

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động SXKD thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu thuần được xác định bằng tổng doanh thu sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

##### **a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc số thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thêm ngoài giá bán (nếu có).

##### **b. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu như: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng đã bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu là cơ sở để

tính doanh thu thuần và kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt trên những tài khoản kế toán phù hợp, nhằm cung cấp các thông tin kế toán để lập báo cáo tài chính.

- Chiết khấu thương mại: là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Doanh thu hàng đã bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

- Giảm giá hàng bán là khoản tiền doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn... đã ghi trong hợp đồng.

### **c. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán. Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ các khoản tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp.

### **d. Thu nhập hoạt động khác.**

Thu nhập hoạt động khác là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp. Đây là các khoản thu nhập được tạo ra từ các hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, nội dung cụ thể bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Tiền phạt thu được do khách hàng, đơn vị khác vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ...

#### **1.1.2.2. Chi phí**

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí mà doanh nghiệp bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

**a. Giá vốn hàng bán**

Trị giá vốn hàng xuất bán là trị giá mua của hàng hóa cộng với chi phí mua hàng phân bổ cho hàng xuất kho trong kỳ.

**b. Chi phí quản lý kinh doanh**

- Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và một số khoản khác có tính chất chung toàn doanh nghiệp.

**c. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính là những chi phí liên quan đến các hoạt động về vốn, các hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp.

**d. Chi phí hoạt động khác**

Chi phí hoạt động khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, nội dung cụ thể bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Các khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Khoản bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí do ghi nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán...

**e. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

**1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

**a. Kết quả từ hoạt động sản xuất kinh doanh**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với trị giá vốn của hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh. Trong báo cáo

kết quả hoạt động kinh doanh chỉ tiêu này được gọi là lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh.

*Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh = Doanh thu thuần – (Giá vốn + Chi phí quản lý kinh doanh )*

### **b. Kết quả từ hoạt động tài chính**

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập thuần thuộc hoạt động tài chính với các khoản chi phí thuộc hoạt động tài chính.

*Kết quả hoạt động tài chính = Thu nhập hoạt động tài chính – Chi phí hoạt động tài chính.*

### **c. Kết quả từ hoạt động khác**

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa thu nhập thuần khác và chi phí khác.

*Kết quả hoạt động khác = Thu nhập hoạt động khác – Chi phí hoạt động khác.*

**Kết quả kinh doanh = Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh + Kết quả hoạt động tài chính + Kết quả hoạt động khác.**

### **1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp.

Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà Nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình kinh doanh, xác định và phân phối kết quả.

### **1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

#### **1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

##### **1.2.1.1. Các phương thức tiêu thụ**

- Bán hàng trực tiếp
- Gửi hàng đi bán
- Đại lý ký gửi
- Trả chậm trả góp



- Hàng đổi hàng

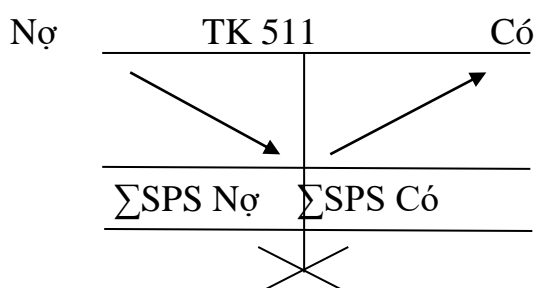
### 1.2.1.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Séc
- Ủy nhiệm thu
- Giấy báo Có

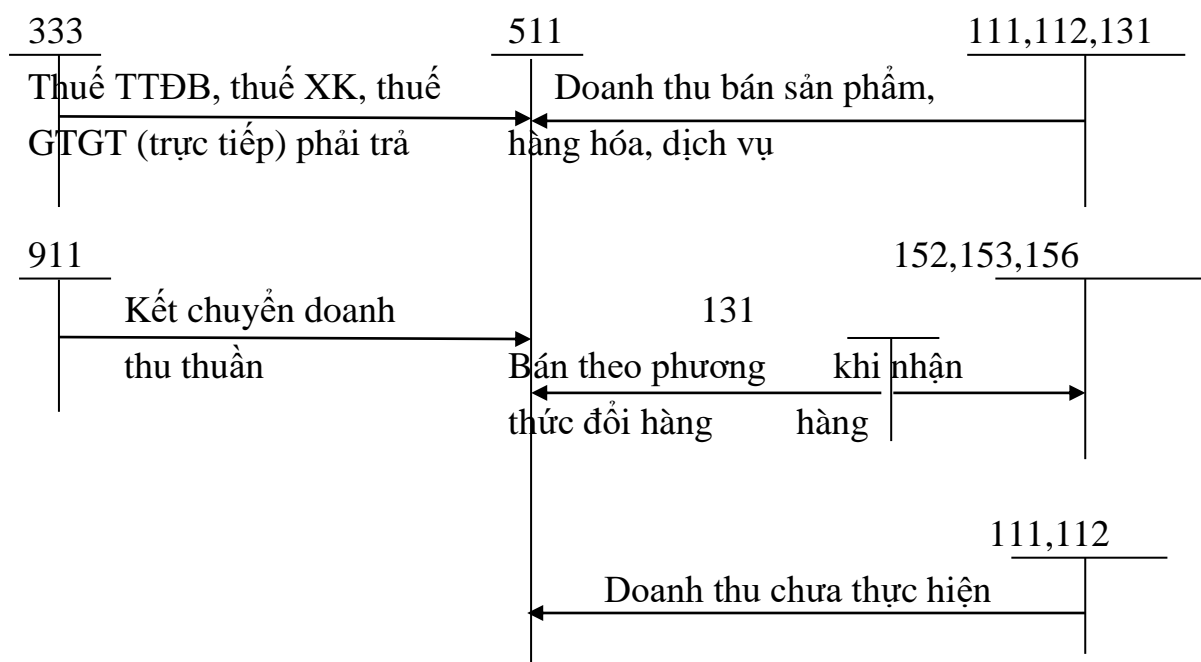
### 1.2.1.3. Tài khoản sử dụng

TK511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

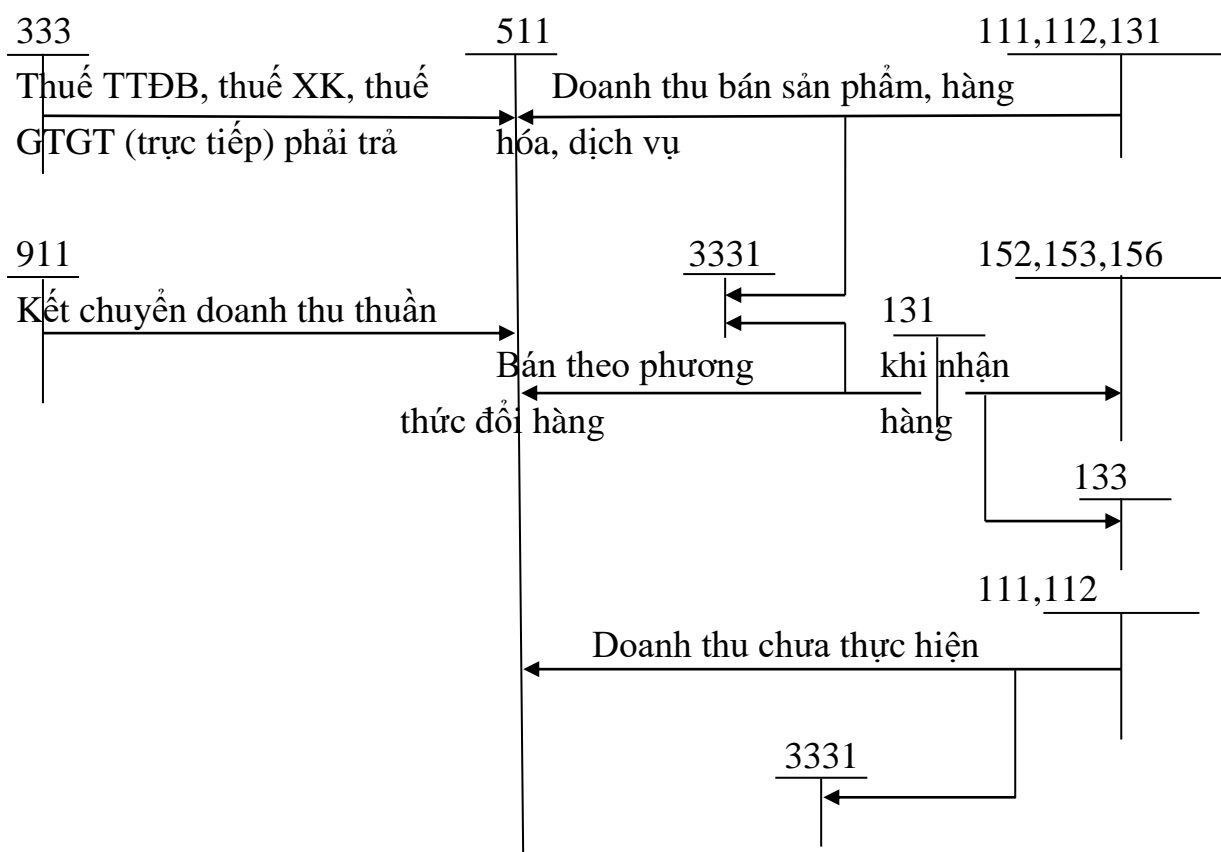
Kết cấu TK 511



Số phát sinh giảm bên nợ, số phát sinh tăng bên có, không có số dư cuối kỳ.



**Sơ đồ 1.1: Hạch toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp trực tiếp**



**Sơ đồ 1.2: Hạch toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp khấu trừ**

## 1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

### 1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Phiếu nhập kho
- Giấy báo Có
- Các chứng từ khác có liên quan

### 1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

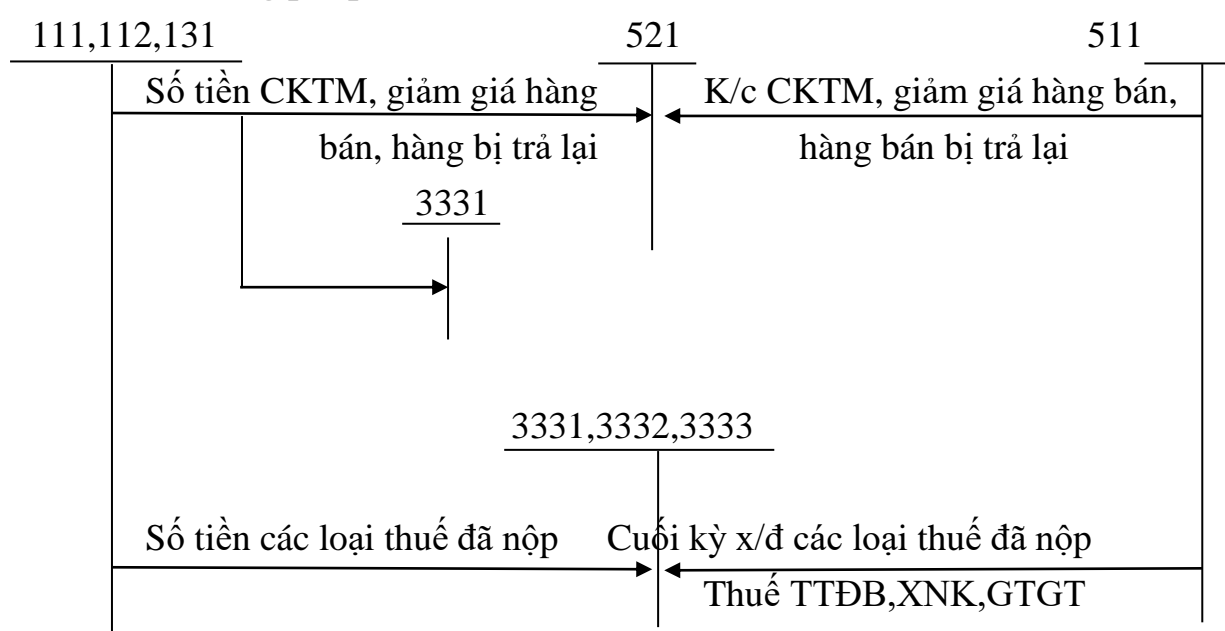
TK 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

Kết cấu TK 521

| Nợ              | TK 521 | Có              |
|-----------------|--------|-----------------|
|                 | ↑      | ↓               |
| $\Sigma$ SPS Nợ |        | $\Sigma$ SPS Có |

X

Số phát sinh giảm bên có, số phát sinh tăng bên nợ, không có số dư cuối kỳ.

**1.2.2.3. Phương pháp hạch toán****Sơ đồ 1.3: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu****1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán****1.2.3.1. Các phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho**

- Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp này thì giá vốn hàng bán xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng bán xuất kho và đơn giá bình quân.

|  |   |                                     |   |                             |
|--|---|-------------------------------------|---|-----------------------------|
| Trị giá vốn thực tế của sản phẩm hàng hóa xuất kho | = | Số lượng sản phẩm hàng hóa xuất kho | x | Đơn giá bình quân gia quyền |
|--|---|-------------------------------------|---|-----------------------------|

Trong đó: Đơn giá bình quân gia quyền được tính theo 2 cách

\* Cách 1:

|                              |   |   |
|------------------------------|---|---|
| ĐG BQ gia quyền cả kỳ dự trữ | = | $\frac{\text{Trị giá thực tế SP tồn ĐK} + \text{Trị giá thực tế SP nhập kho trong kỳ}}{\text{SL hàng hóa tồn ĐK} + \text{SL hàng hóa nhập trong kỳ}}$ |
|------------------------------|---|---|

\* Cách 2:

|                                    |   |  |
|------------------------------------|---|--|
| ĐG BQ gia quyền sau mỗi lần nhập i | = | $\frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập i}}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập i}}$ |
|------------------------------------|---|--|

➤ Phương pháp nhận trước – xuất trước (Fifo)

Theo phương pháp này thì sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập trước thì sẽ được xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế cả sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập đầu tiên.

➤ Phương pháp nhập sau xuất trước (Lifo)

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập sau cùng sẽ xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế cả sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập đầu tiên.

➤ Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, trị giá vốn hàng xuất kho được xác định dựa trên giả định khi xuất kho sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì căn cứ vào đơn giá từng lần nhập, xuất hàng hóa thuộc lô nào thì lấy đơn giá của lô đó.

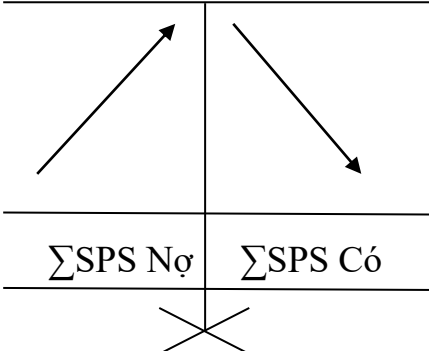
### 1.2.3.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ liên quan khác

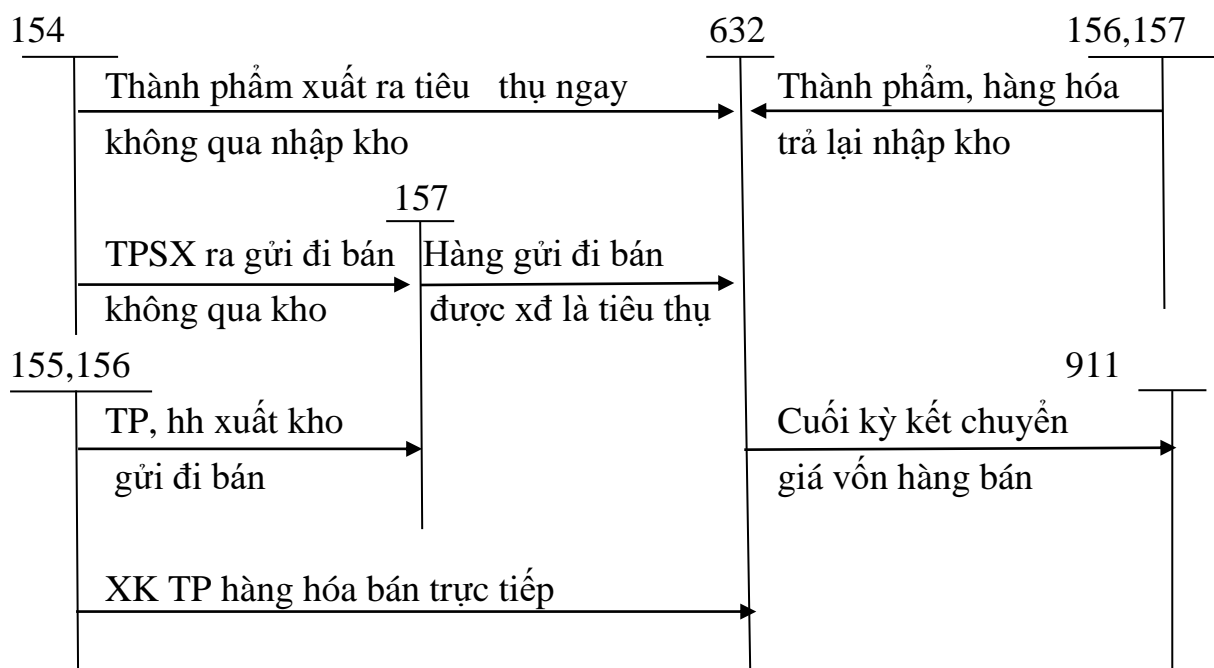
### 1.2.3.3. Tài khoản sử dụng

TK 632 – Giá vốn hàng bán

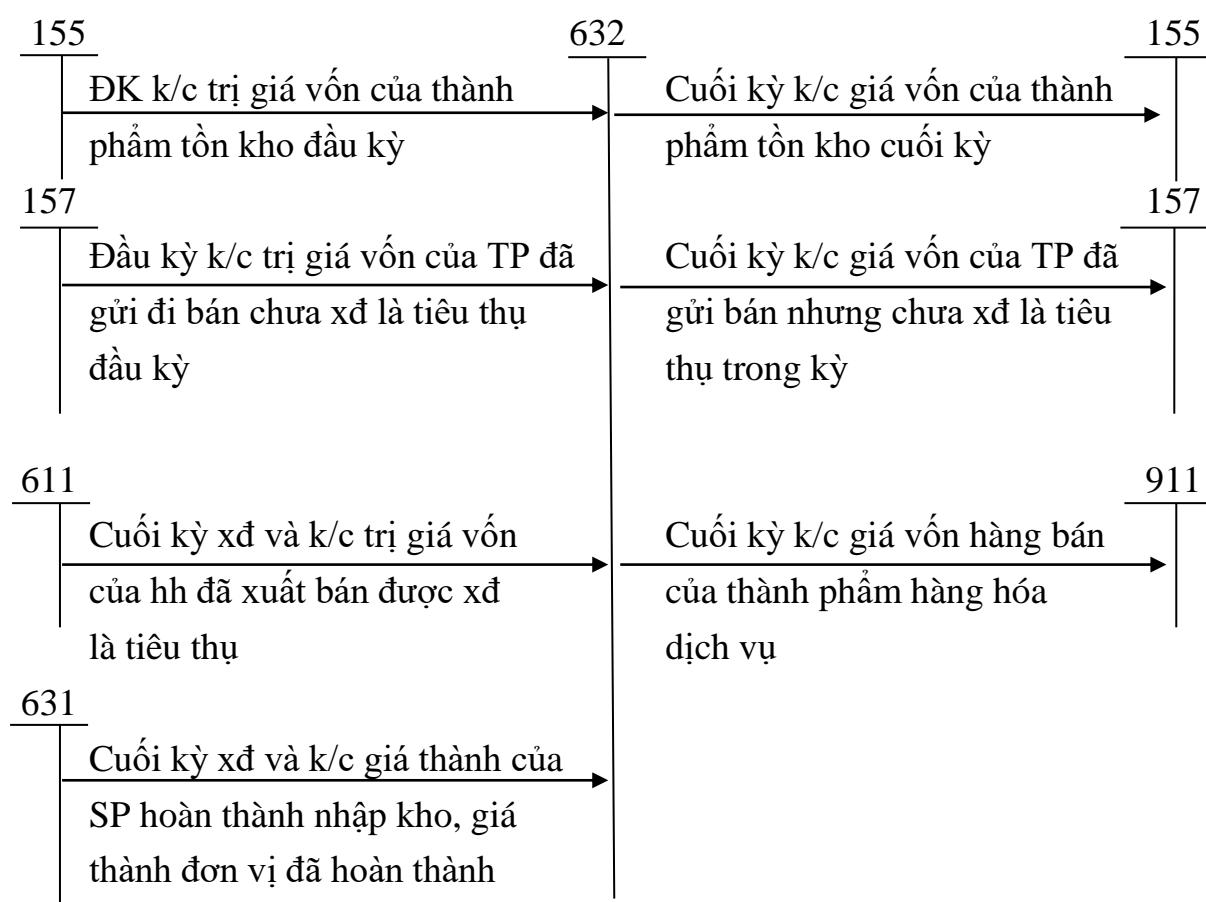
Kết cấu TK 632

|         |  |    |
|---------|--|----|
|         | TK 632   | Có |
| Nợ      |  |    |
| ΣSPS Nợ | ΣSPS Có  |    |

Số phát sinh tăng bên nợ, số phát sinh giảm bên có, không có số dư cuối kỳ.

**1.2.3.4. Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**



**Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

**1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh****1.2.4.1. Chứng từ sử dụng**

- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, CCDC
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo Nợ, phiếu chi...

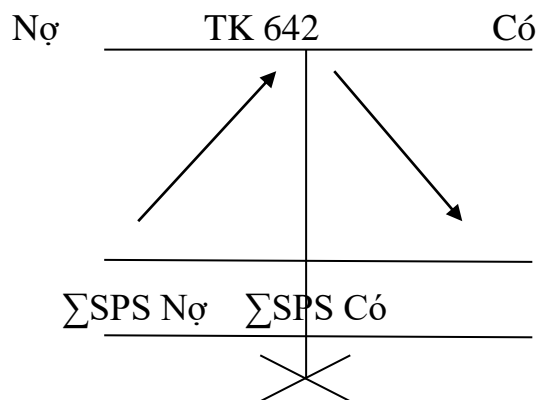
**1.2.4.2. Tài khoản sử dụng**

TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

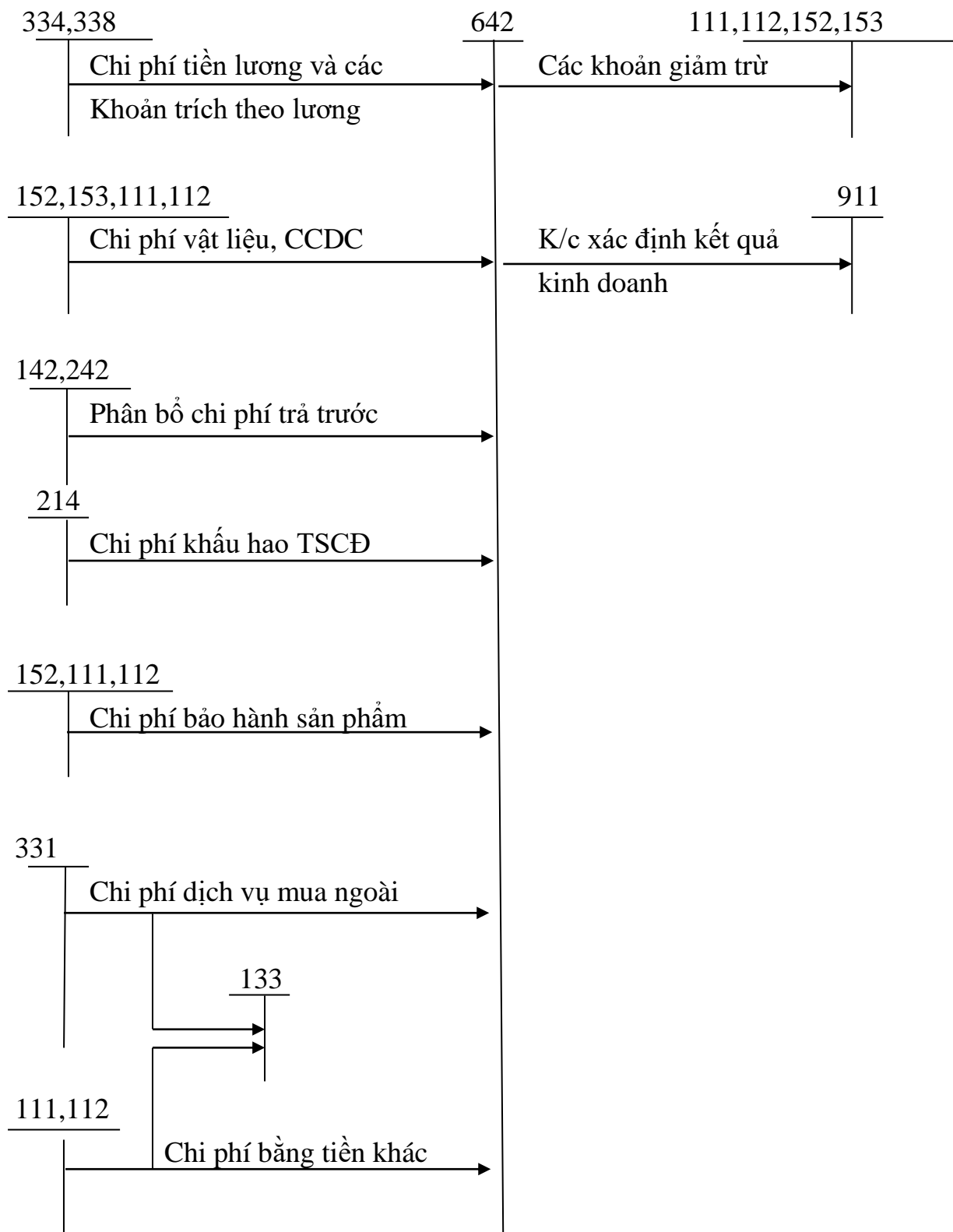
Trong đó:

- TK 6421 – Chi phí bán hàng
- TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu TK 642



Số phát sinh tăng bên nợ, số phát sinh giảm bên có, không có số dư cuối kỳ.

**1.2.4.3. Phương pháp hạch toán****Sơ đồ 1.6: Hạch toán chi phí quản lý kinh doanh**

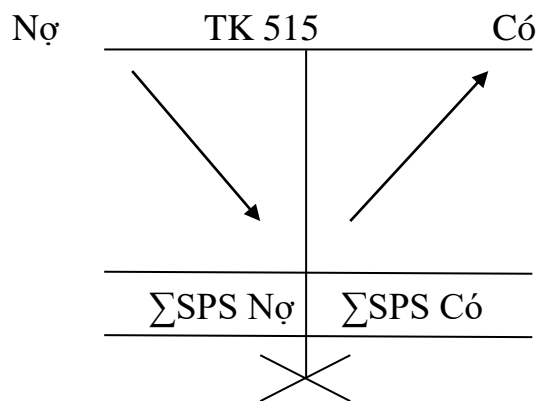
**1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính****1.2.5.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Có, giấy báo Nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

**1.2.5.2. Tài khoản sử dụng**

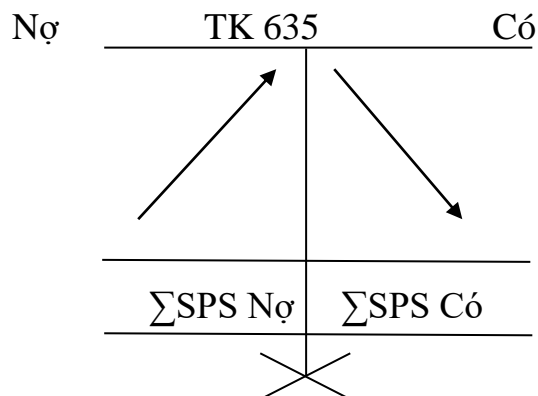
TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu TK 515



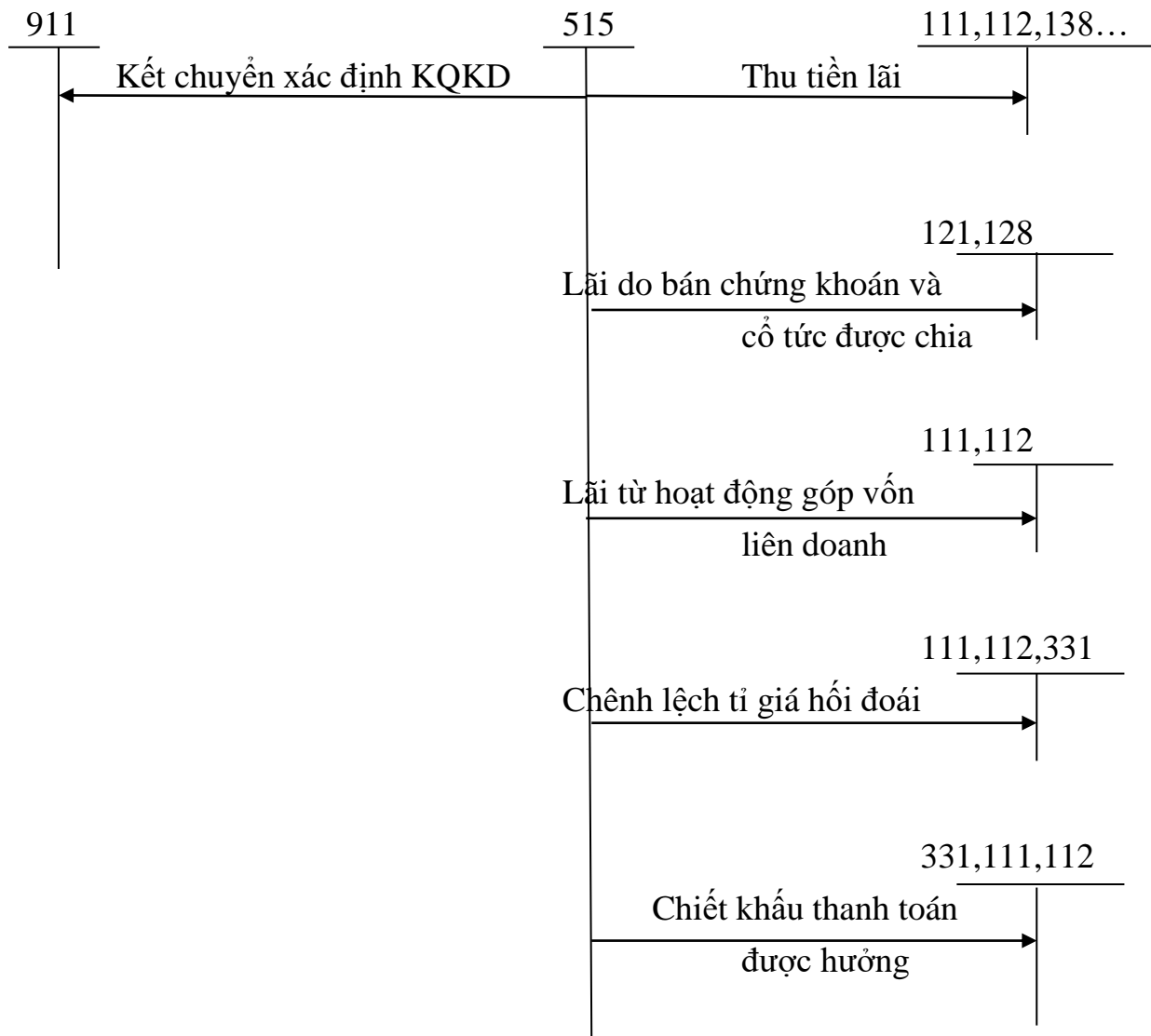
Số phát sinh giảm bên nợ, số phát sinh tăng bên có, không có số dư cuối kỳ.

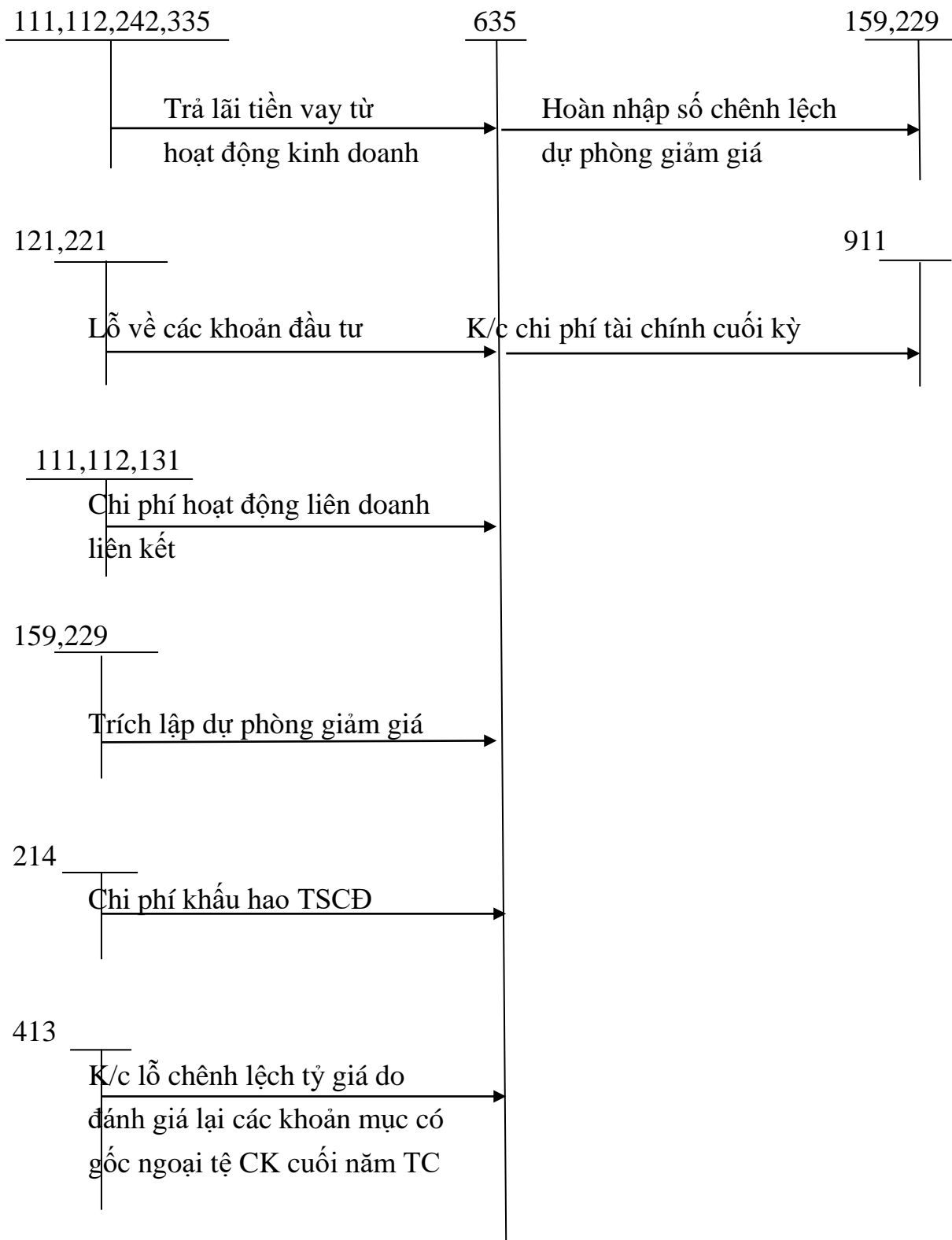
TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính



Số phát sinh tăng bên nợ, số phát sinh giảm bên có, không có số dư cuối kỳ.



**1.2.5.3. Phương pháp hạch toán****Sơ đồ 1.7: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính**



Sơ đồ 1.8: Hạch toán chi phí hoạt động tài chính

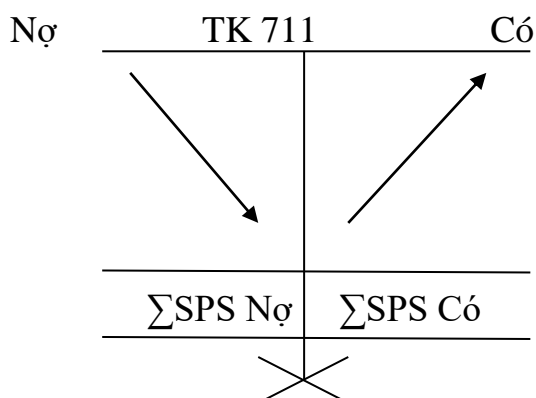
**1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác****1.2.6.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

**1.2.6.2. Tài khoản sử dụng**

TK 711 – Thu nhập khác

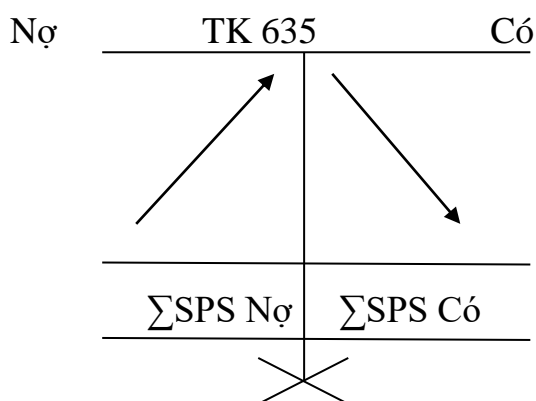
Kết cấu TK 711



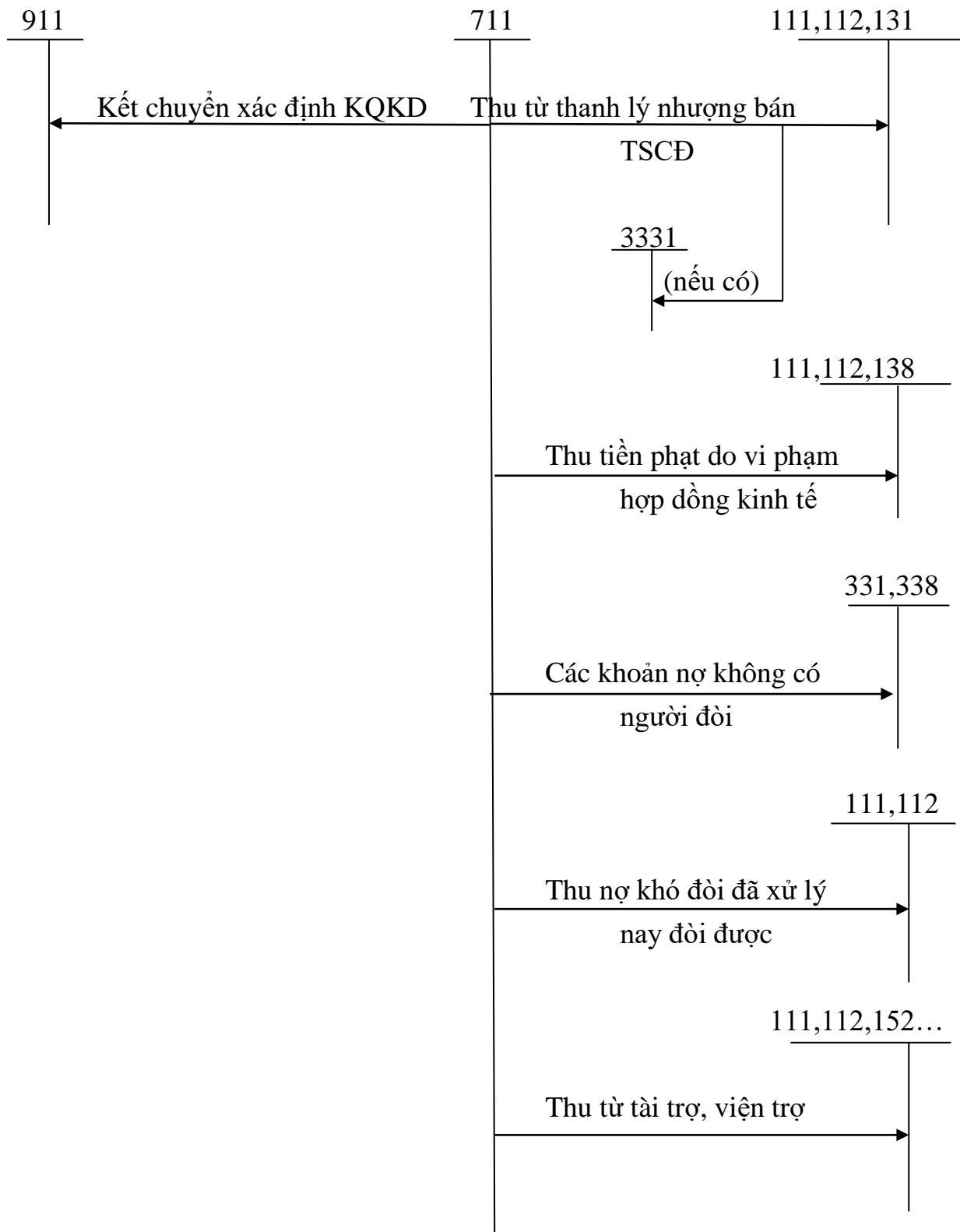
Số phát sinh giảm bên nợ, số phát sinh tăng bên có, không có số dư cuối kỳ.

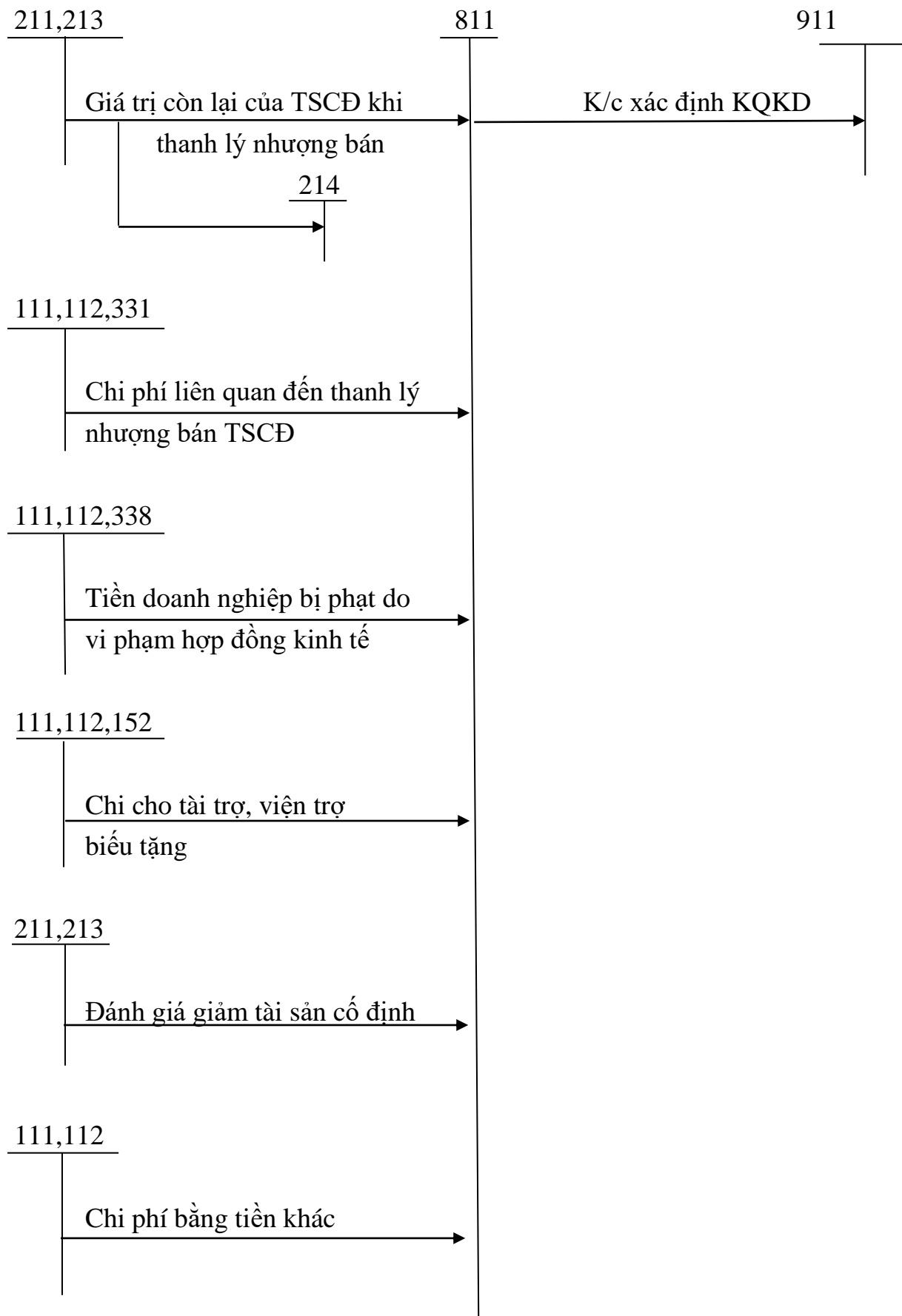
TK 811 – Chi phí khác

Kết cấu TK 811



Số phát sinh tăng bên nợ, số phát sinh giảm bên có, không có số dư cuối kỳ.

**1.2.6.3. Phương pháp hạch toán****Sơ đồ 1.9: Hạch toán thu nhập khác**



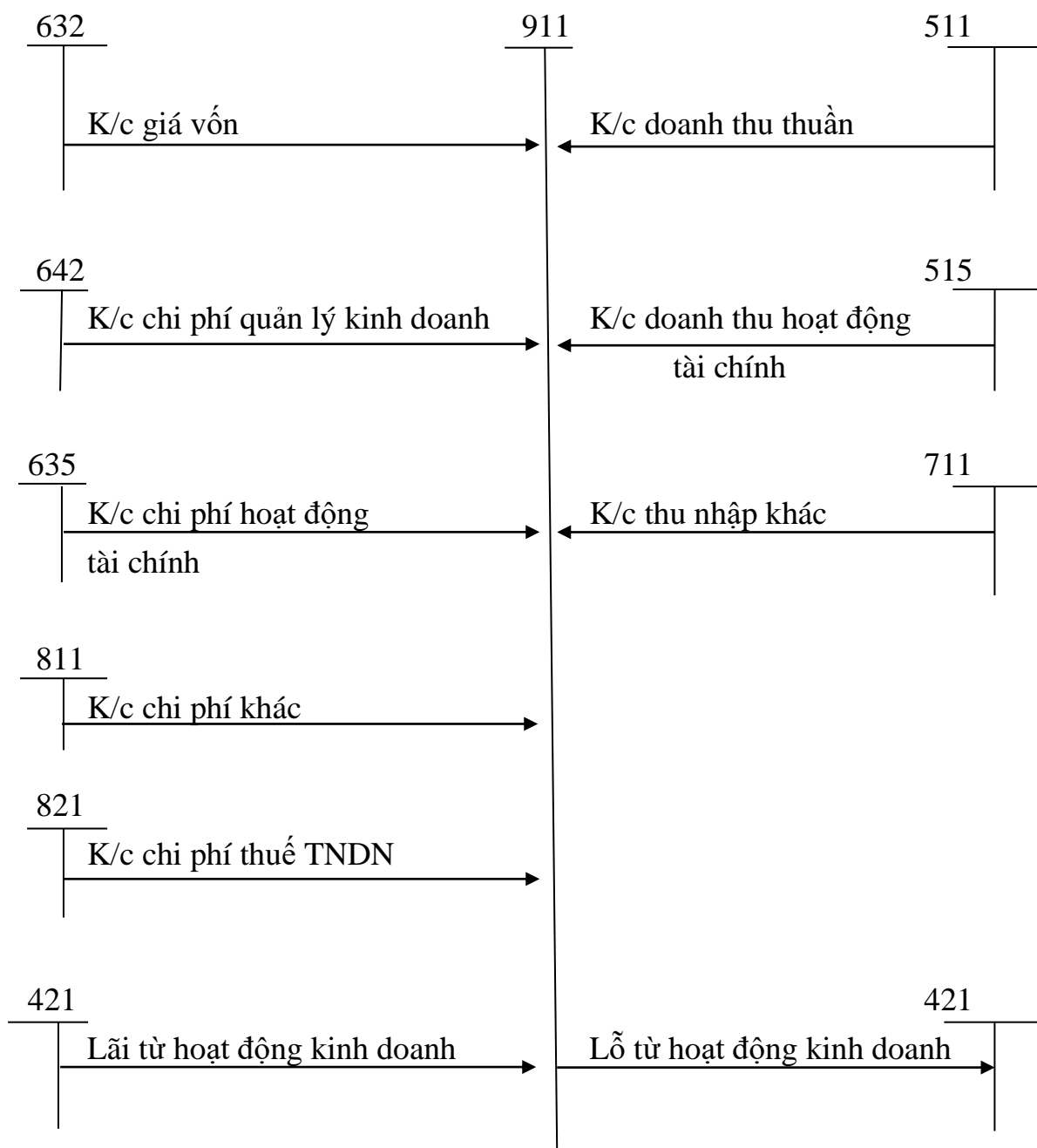
Sơ đồ 1.10: Hạch toán chi phí khác

**1.2.7. Kế toán xác định kết quả các hoạt động kinh doanh****1.2.7.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

**1.2.7.2. Tài khoản sử dụng**

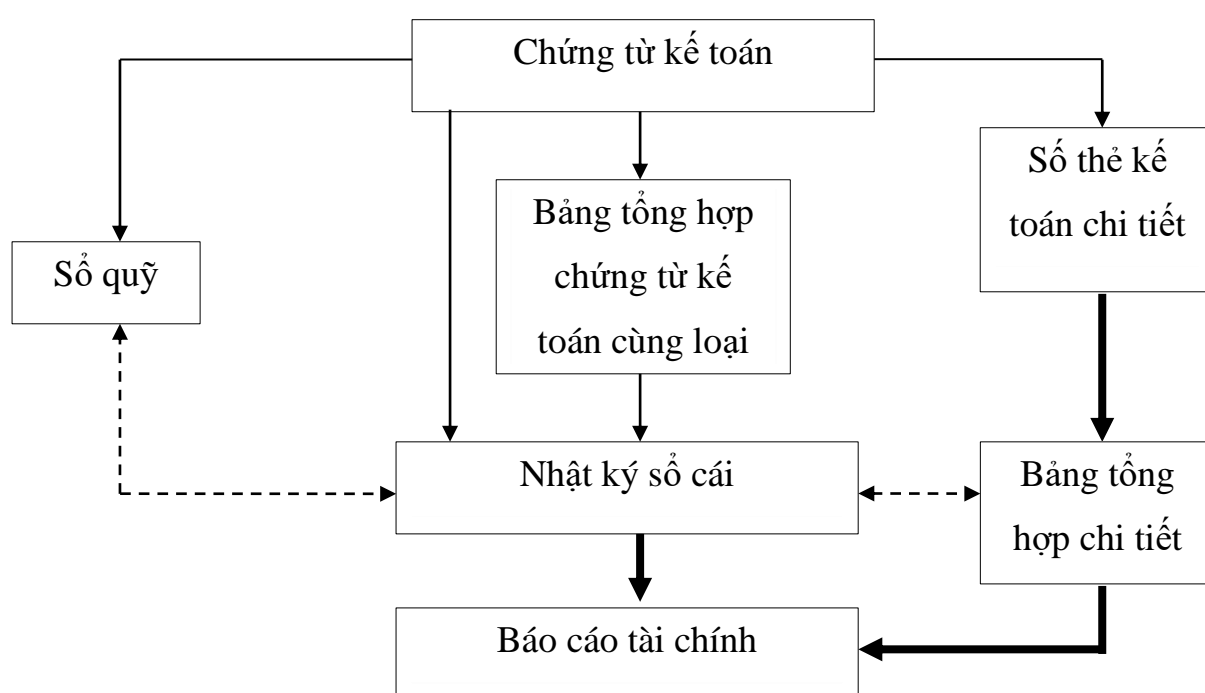
TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

**1.2.7.3. Phương pháp hạch toán****Sơ đồ 1.11: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

## 1.2.8. Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh qua các hình thức kế toán

### 1.2.8.1. Hình thức Nhật ký - Sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào sổ Nhật ký – Sổ cái. Sổ này hạch toán tổng hợp duy nhất, kết hợp phản ánh theo thời gian và theo hệ thống. Tất cả các tài khoản doanh nghiệp sử dụng được phản ánh cả hai bên Nợ - Có trên cùng một vài trang sổ. Căn cứ ghi sổ là chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc, mỗi chứng từ ghi một dòng vào Nhật ký – Sổ cái



*Ghi chú:*

- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ
- Đối chiếu, kiểm tra

### Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

### 1.2.8.2. Hình thức Chứng từ ghi sổ

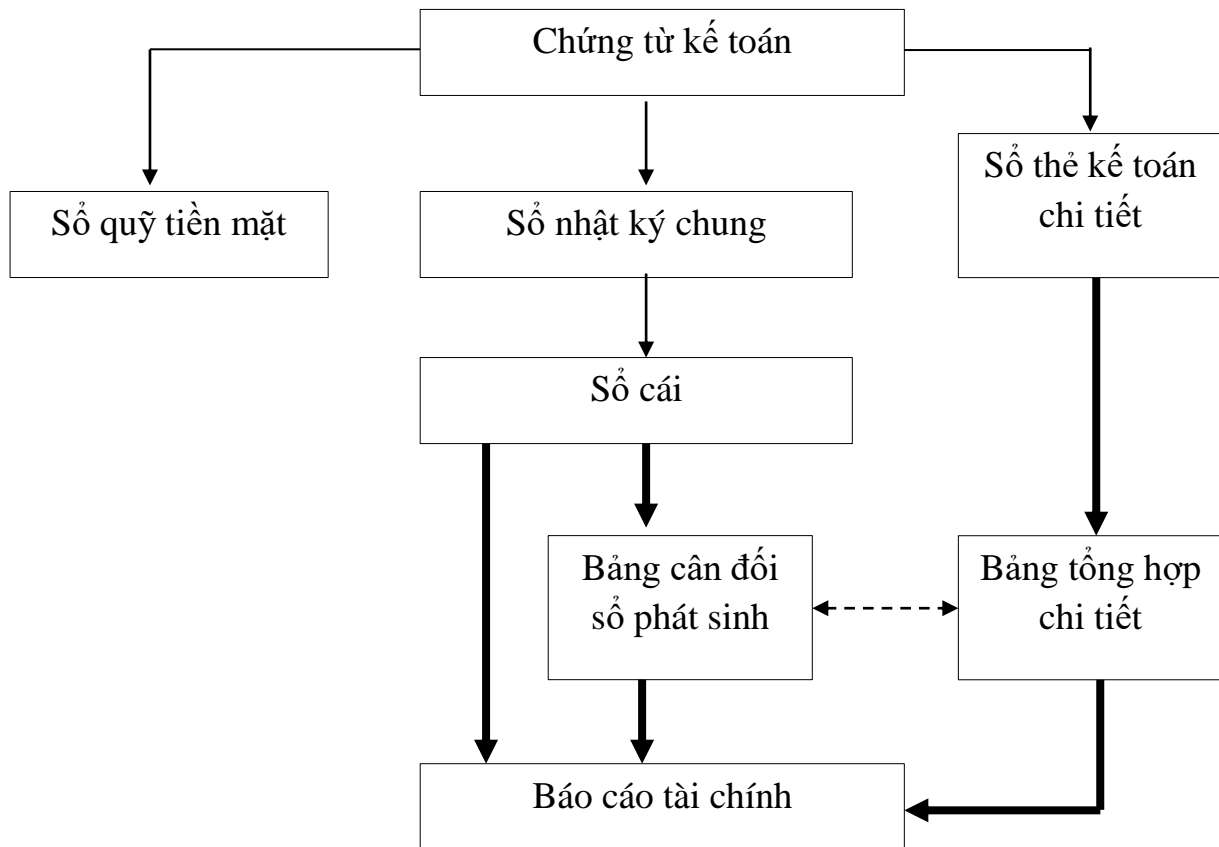
Hình thức này thích hợp với mọi loại hình doanh nghiệp, thuận tiện cho việc áp dụng máy tính. Tuy nhiên ghi chép bị trùng lặp nhiều nên việc báo cáo dễ bị chậm trễ nhất là trong điều kiện thủ công.

Sổ sách hình thức này gồm: Sổ cái, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Bảng cân đối tài khoản, các thẻ và sổ hạch toán chi tiết





những nhược điểm, ưu điểm và điều kiện áp dụng nhất định vì vậy doanh nghiệp phải lựa chọn hình thức kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh của mình.



*Ghi chú:*

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi định kỳ
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

### Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào Sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên Sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi Sổ nhật ký chung kế toán ghi vào các sổ chi tiết liên quan.

-Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng Cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các BCTC. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Sổ nhật ký chung.

**1.2.8.4. Hình thức kế toán máy**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

---

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VẬN TẢI THÀNH TRANG**

### **2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành phát triển**

Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang được thành lập với số vốn 3.000.000.000 đồng.

- Tên công ty: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VẬN TẢI THÀNH TRANG

- Địa chỉ: Số 21 Thụ Trung, Phường Đằng Lâm, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng.

- Tel: 031.3614142

Fax: 031.3614141

Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang được thành lập ngày 25/01/2005. Giấy chứng nhận kinh doanh số 0200610845 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30/01/2005.

Công ty đang trên đà phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực kinh doanh vận tải, đã tích lũy và kế thừa những kinh nghiệm trong tổ chức và quản lý. Trong những năm qua, công ty đã bố trí hợp lý lao động và tổ chức quản lý tốt đồng thời đã phát triển kinh doanh mang đầy tính chuyên môn và khoa học, tạo ra năng suất lao động cao, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Hiện tại công ty có đủ đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, trung thực, tinh nhuệ và lành nghề cộng với mô hình tổ chức quản lý và bố trí lao động đạt tiêu chí: gọn, nhẹ, hiệu quả và chặt chẽ theo hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn.

#### **2.1.2. Ngành nghề kinh doanh**

Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang là một công ty kinh doanh trong lĩnh vực giao nhận vận tải. Công ty cung cấp các dịch vụ như:

- + Dịch vụ vận chuyển hàng nội địa
- + Dịch vụ kê khai hải quan
- + Dịch vụ giám định hàng hóa...

### 2.1.3. Chức năng nhiệm vụ của công ty

Thỏa mãn yêu cầu của khách hàng với chất lượng dịch vụ vận chuyển hàng hóa tốt nhất, giá cả hợp lý nhất, thời gian giao hàng đúng hẹn, tác phong chuyên nghiệp.

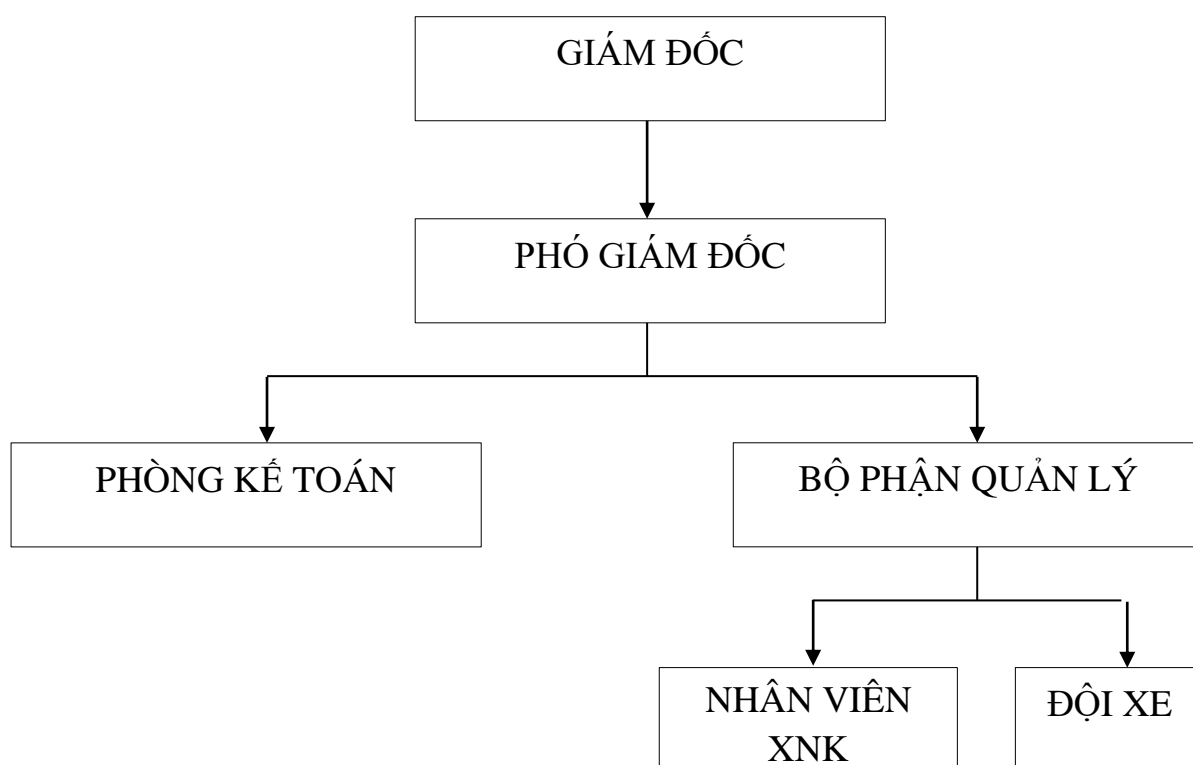
- Tổ chức kinh doanh đúng ngành nghề đăng ký, theo quy chế hoạt động của công ty.

- Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ theo quy định của Nhà nước.

- Mở rộng quan hệ thị trường, đồng thời tìm kiếm các khách hàng mới.

- Mở rộng liên kết kinh tế với các doanh nghiệp kinh doanh vận tải khác trong và ngoài nước.

### 2.1.4. Cơ cấu tổ chức



**Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của công ty**

- Giám đốc

+ Là chủ sở hữu của công ty, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của công ty.

+ Là người đại diện theo pháp luật và điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty.

- Phó giám đốc

+ Giúp giám đốc trong quản lý điều hành các hoạt động của công ty theo sự phân công của giám đốc.

+ Thực hiện các nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước giám đốc về hiệu quả các hoạt động.

+ Lên kế hoạch tiếp xúc, hỗ trợ, tư vấn các dịch vụ hậu mãi cho khách hàng.

+ Giải quyết và làm các chứng từ cần thiết cho các lô hàng xuất nhập như: Invoice, Bill of lading, Shipping advise...

- Phòng kế toán

+ Thực hiện tất cả các công việc kế toán tài chính doanh nghiệp cho công ty.

+ Cố vấn cho giám đốc công tác tài chính theo quy định của pháp luật.

+ Xây dựng kế hoạch và định hướng công tác tài chính ngắn hạn cũng như dài hạn cho công ty.

+ Quản lý tài sản của công ty, thu hồi công nợ, tính lương, quyết toán định kỳ với ngân hàng.

- Bộ phận quản lý

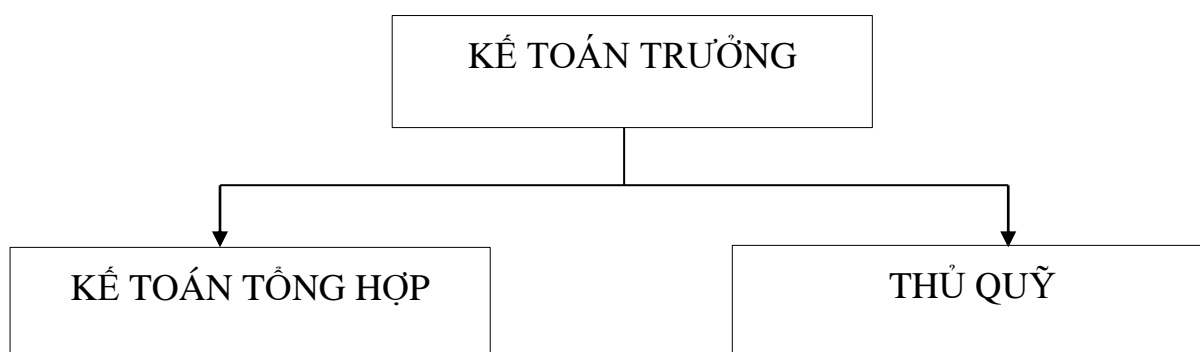
+ Giám sát trực tiếp việc xếp dỡ, làm hàng tại kho, tại các bến cảng.

+ Lấy lệnh, kê khai hải quan, đổi lệnh, điều xe.

## 2.1.5. Tổ chức kế toán công ty

### 2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Kế toán trưởng thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê của công ty, kiểm soát toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty và trực tiếp tham gia hạch toán tất cả các phần hành kế toán. Thông tin kịp thời cho Giám đốc tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính của công ty



Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của công ty

**2.1.5.2. Chế độ và chính sách kế toán của công ty**

Công ty hạch toán kế toán theo hình thức nhật ký chung.

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

- Chứng từ kế toán: Phiếu thu, phiếu chi, giấy bảo nợ, giấy báo có, ủy nhiệm chi, hóa đơn GTGT, giấy nộp tiền, séc, biên bản bàn giao TSCĐ, bảng lương, bảng chấm công.

- Báo cáo tài chính:

+ Bảng cân đối kế toán

+ Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh

- Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

- Niên độ kế toán: Công ty áp dụng từ ngày 01/01 cho đến hết ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

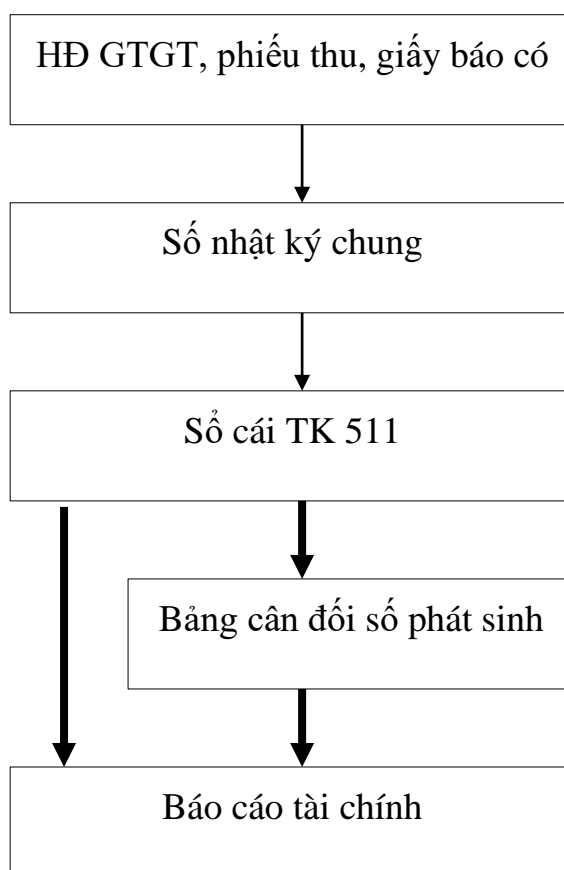
**2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang****2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang****2.2.1.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng**

- Hóa đơn GTGT

- Phiếu thu, giấy báo có

- Các chứng từ liên quan khác...

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

**2.2.1.2. Quy trình hạch toán****Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

*Ghi chú:*

—————→ Ghi hàng ngày  
 =—————→ Ghi định kỳ

**2.2.1.3. Ví dụ thực tế tại công ty**

VD1: Ngày 01/12/2015 Công ty TNHH May EVER GLORY (VIỆT NAM) thuê vận chuyển hàng hóa, đã thanh toán bằng tiền mặt số tiền 1.980.000 đồng (bao gồm cả VAT 10%).

Kế toán định khoản:

Nợ TK 111 : 1.980.000

Có TK 511 : 1.800.000

Có TK 3331 : 180.000

Căn cứ vào HD GTGT số 0000103 (Biểu số 1), phiếu thu số 4/12 (Biểu số 2), kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 3). Từ Sổ nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 511 (Biểu số 4).

**Biểu 1: Hóa đơn GTGT số 0000103**

| <b>HÓA ĐƠN</b>   |                       |                       | Mẫu số: 01GTKT3/001 |                               |                  |
|--|-----------------------|-----------------------|---------------------|-------------------------------|------------------|
| <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>  |                       |                       | Kí hiệu: AA/15P     |                               |                  |
| (Liên 3: Nội bộ)   |                       | Số: 0000103           |                     |                               |                  |
| Ngày 01 tháng 12 năm 2015  |                       |                       |                     |                               |                  |
| Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VẬN TẢI THÀNH TRANG</b> |                       |                       |                     |                               |                  |
| Mã số thuế: <b>0200610845</b>  |                       |                       |                     |                               |                  |
| Địa chỉ: <b>Khu Thự Trung, Phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP Hải Phòng</b>          |                       |                       |                     |                               |                  |
| Điện thoại: <b>0313.614.142</b>  |                       |                       |                     |                               |                  |
| Số tài khoản:  |                       |                       |                     |                               |                  |
| Họ tên người mua hàng:   |                       |                       |                     |                               |                  |
| Tên đơn vị: <b>CÔNG TY TNHH MAY EVER GLORY VIỆT NAM</b>                            |                       |                       |                     |                               |                  |
| Mã số thuế: <b>0800286372</b>  |                       |                       |                     |                               |                  |
| Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Sách, xã Ái Quốc thành phố Hải Dương                  |                       |                       |                     |                               |                  |
| Hình thức thanh toán: <b>TIỀN MẶT</b> Số tài khoản:                                |                       |                       |                     |                               |                  |
| STT  | TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ | ĐV TÍNH               | SỐ LƯỢNG            | ĐƠN GIÁ                       | THÀNH TIỀN       |
| 1  | 2                     | 3                     | 4                   | 5                             | 6=4x5            |
| 01   | Cước vận chuyển       | Chuyến                | 01                  | 1.800.000                     | 1.800.000        |
|  |                       |                       |                     |                               |                  |
|  |                       |                       |                     |                               |                  |
|  |                       |                       |                     |                               |                  |
|  |                       |                       |                     |                               |                  |
|  |                       |                       |                     |                               |                  |
|  |                       |                       |                     |                               |                  |
|  |                       |                       |                     |                               |                  |
|  |                       |                       |                     |                               |                  |
| Cộng tiền hàng:  |                       |                       |                     |                               | 1.800.000        |
| Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT   |                       |                       |                     |                               | 180.000          |
| Tổng cộng tiền thanh toán:   |                       |                       |                     |                               | <b>1.980.000</b> |
| Số tiền viết bằng chữ: <b>Một triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng chẵn.</b>         |                       |                       |                     |                               |                  |
| <b>Người mua hàng</b>  |                       | <b>Người bán hàng</b> |                     | <b>Thủ trưởng đơn vị</b>      |                  |
| (Kí, ghi rõ họ tên)  |                       | (Kí, ghi rõ họ tên)   |                     | (Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên) |                  |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)                              |                       |                       |                     |                               |                  |



**Biểu 2: Phiếu thu số 004/12**

CÔNG TY TNHH TM XNK VẬN TẢI

Mẫu số: **01-TT**

THÀNH TRANGBan hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14 tháng 09 năm 2006

của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU THU**Số: **004/12**

Ngày 01 tháng 12 năm 2015

Nợ TK111 :1.980.000

Có TK511 :1.800.000

Có TK3331:180.000

Họ và tên: **VŨ THỊ HOÀI**

Địa chỉ : Kế toán

Lý do : Cước vận chuyển – Công ty A (1672)

Số tiền : **1.980.000 VND**

Kèm theo: Chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): **Một triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng chẵn.****Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nộp tiền Thủ quỹ**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(ký, họ tên)

**Biểu 3: Trích sổ nhật ký chung**

CÔNG TY TNHH TM XNK VẬN TẢI

Mẫu số: **S03a - DNN**

THÀNH TRANG(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2015

| Chứng từ     |            | Diễn giải                     | SHTK | Số phát sinh           |                        |
|--------------|------------|-------------------------------|------|------------------------|------------------------|
| Số hiệu      | Ngày tháng |                               |      | Nợ                     | Có                     |
|              |            | ...                           | ...  |                        |                        |
| PT<br>004/12 | 01/12/2015 | Cty EVER trả<br>cước v/c      | 111  | 1.980.000              |                        |
|              |            |                               | 511  |                        | 1.800.000              |
|              |            |                               | 3331 |                        | 180.000                |
|              |            | ...                           |      |                        |                        |
| PT<br>010/12 | 04/12/2015 | Cty Toàn Cầu<br>trả cước v/c  | 111  | 1.210.000              |                        |
|              |            |                               | 511  |                        | 1.100.000              |
|              |            |                               | 3331 |                        | 110.000                |
|              |            | ...                           |      |                        |                        |
| PT<br>015/12 | 05/12/2015 | Cty Thanh Hoa<br>trả cước v/c | 111  | 2.310.000              |                        |
|              |            |                               | 511  |                        | 2.100.000              |
|              |            |                               | 3331 |                        | 210.000                |
| PT<br>016/12 | 05/12/2015 | Cty EVER trả<br>cước v/c      | 111  | 1.980.000              |                        |
|              |            |                               | 511  |                        | 1.800.000              |
|              |            |                               | 3331 |                        | 180.000                |
|              |            | ...                           |      |                        |                        |
| PT<br>038/12 | 25/12/2015 | Cty Toàn Cầu<br>trả cước v/c  | 111  | 1.210.000              |                        |
|              |            |                               | 511  |                        | 1.100.000              |
|              |            |                               | 3331 |                        | 110.000                |
|              |            | ...                           |      |                        |                        |
| PKT36        | 31/12/2015 | Kết chuyển DT                 | 511  | 12.354.001.017         |                        |
| PKT36        | 31/12/2015 | Kết chuyển DT                 | 911  |                        | 12.354.001.017         |
|              |            | ...                           |      |                        |                        |
|              |            | <b>Tổng SPS</b>               |      | <b>122.999.313.931</b> | <b>122.999.313.931</b> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu 4: Trích sổ cái TK 511**

CÔNG TY TNHH TM XNK VẬN TẢI

Mẫu số: **S03b - DNN**

THÀNH TRANG(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2015

Tài khoản: 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| Chứng từ     |            | Diễn giải                | SHTK<br>đối ứng | Số phát sinh          |                       |
|--------------|------------|--------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| Số hiệu      | Ngày tháng |                          |                 | Nợ                    | Có                    |
|              |            | <b>Số dư ĐK</b>          |                 |                       |                       |
|              |            | ...                      | ...             |                       |                       |
| PT<br>004/12 | 01/12/2015 | Cty EVER<br>trả cước v/c | 111             |                       | 1.800.000             |
|              |            | ...                      | ...             |                       |                       |
| PKT36        | 31/12/2015 | Kết chuyển<br>DT         | 911             | 12.354.001.017        |                       |
|              |            | <b>Tổng SPS</b>          |                 | <b>12.354.001.017</b> | <b>12.354.001.017</b> |
|              |            | <b>Số dư CK</b>          |                 |                       |                       |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ  
(Ký, ghi rõ họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

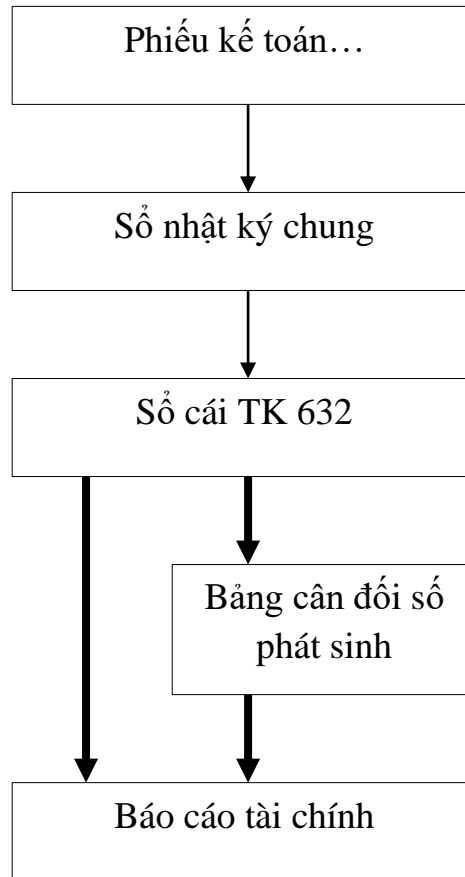
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

## 2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang

### 2.2.2.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Phiếu kế toán
  - Các chứng từ liên quan khác
- TK 632 – Giá vốn hàng bán

### 2.2.2.2. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán

*Ghi chú:*

|        |               |
|--------|---------------|
| —————→ | Ghi hàng ngày |
| —————→ | Ghi định kỳ   |

**Biểu 5: Phiếu kế toán số 35****Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang**

Địa chỉ: Số 21, Khu Thù Trung, Phường Đằng Lâm, Quận Hải An, Hải Phòng

MST: 0200610845

**PHIẾU KẾ TOÁN SỐ 35**

| Ngày tháng | Diễn giải    | SHTK |     | Số tiền        |
|------------|--------------|------|-----|----------------|
|            |              | Nợ   | Có  |                |
| 31/12/2015 | K/c CP SXKDD | 632  | 154 | 11.109.792.493 |
|            | Cộng         |      |     | 11.109.792.493 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu 6: Trích sổ nhật ký chung**

CÔNG TY TNHH TM XNK VẬN TẢI

Mẫu số: **S03a - DNN**

THÀNH TRANG(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2015

| Chứng từ  |            | Diễn giải             | SHTK       | Số phát sinh           |                        |
|-----------|------------|-----------------------|------------|------------------------|------------------------|
| Số hiệu   | Ngày tháng |                       |            | Nợ                     | Có                     |
|           |            | ...                   | ...        |                        |                        |
| PKT<br>35 | 31/12/2015 | K/c CP<br>SXKDD       | 632<br>154 | 11.109.792.493         | 11.109.792.493         |
|           |            | ...                   | ...        |                        |                        |
| PKT<br>37 | 31/12/2015 | Kết chuyển<br>giá vốn | 911<br>632 | 11.109.792.493         | 11.109.792.493         |
|           |            | ...                   | ...        |                        |                        |
|           |            | <b>Tổng SPS</b>       |            | <b>122.999.313.931</b> | <b>122.999.313.931</b> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu 7: Trích sổ cái TK 632**

CÔNG TY TNHH TM XNK VẬN TẢI

Mẫu số: **S03b - DNN**

THÀNH TRANG(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2015

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán

| Chứng từ |            | Diễn giải             | SHTK<br>đối ứng | Số phát sinh          |                       |
|----------|------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| Số hiệu  | Ngày tháng |                       |                 | Nợ                    | Có                    |
|          |            | <b>Số dư ĐK</b>       |                 |                       |                       |
| PKT35    | 31/12/2015 | K/c CP<br>SXKDD       | 154             | 11.109.792.493        |                       |
| PKT37    | 31/12/2015 | Kết chuyển<br>giá vốn | 911             |                       | 11.109.792.493        |
|          |            | <b>Tổng SPS</b>       |                 | <b>11.109.792.493</b> | <b>11.109.792.493</b> |
|          |            | <b>Số dư CK</b>       |                 |                       |                       |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

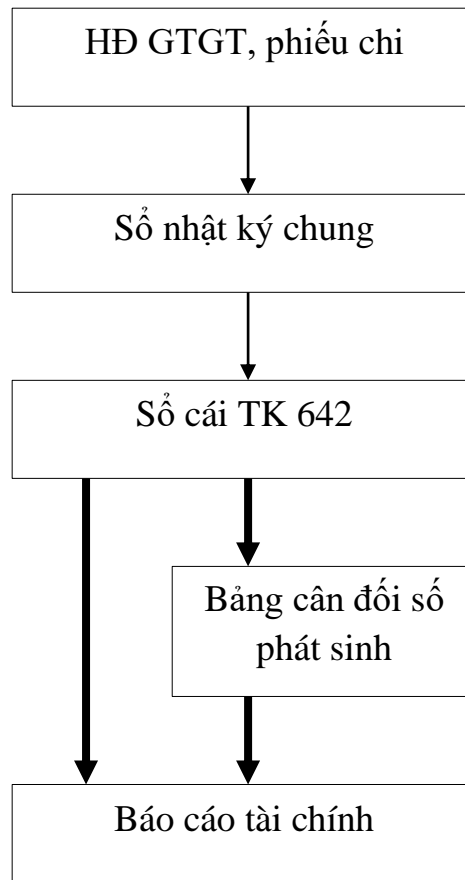
Người ghi sổ  
(Ký, ghi rõ họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

### 2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang

#### 2.2.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Hóa đơn GTGT
  - Phiếu chi, giấy báo có...
- TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

#### 2.2.3.2. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Ghi chú:   
 —————→ Ghi hàng ngày  
 —————→ Ghi định kỳ

**2.2.3.3. Ví dụ thực tế tại công ty**

VD2: Ngày 11/12/2015 tiếp khách tại Công ty Cổ phần Du lịch dịch vụ Thiên Hồng Phát, đã thanh toán bằng tiền mặt số tiền 5.082.000 đồng (đã bao gồm VAT)

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642 : 4.620.000

Nợ TK 133 : 462.000

Có TK 111: 5.082.000

VD3: Ngày 25/12/2015 đổ mực máy photo, đã thanh toán bằng tiền mặt số tiền 500.000 đồng (đã bao gồm VAT)

Nợ TK 642 : 454.545

Nợ TK 133 : 45.455

Có TK 111: 500.000

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0001526 (Biểu số 8), phiếu chi số 9/12 (Biểu số 9), HĐ GTGT số 0023214 (Biểu số 10), phiếu chi số 16/12 (Biểu số 11) kế toán vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 12). Từ Sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ Cái TK 642 (Biểu số 13)



**Biểu 8: Hóa đơn GTGT số 0001526**

| <b>HÓA ĐƠN</b>  |                       | Mẫu số: 01GTKT3/001 |                               |           |                  |
|---|-----------------------|---------------------|-------------------------------|-----------|------------------|
| <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>   |                       | Kí hiệu: AA/15P     |                               |           |                  |
| (Liên 2: Giao người mua)  |                       | Số: 0001526         |                               |           |                  |
| Ngày 11 tháng 12 năm 2015   |                       |                     |                               |           |                  |
| Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ THIÊN HỒNG PHÁT</b>           |                       |                     |                               |           |                  |
| Mã số thuế: <b>0201253931</b>   |                       |                     |                               |           |                  |
| Địa chỉ: <b>Số 04 Lô 2B Khu đô thị mới ngã Năm Sân bay Cát Bi</b>                 |                       |                     |                               |           |                  |
| Số tài khoản: 2511101994009 tại ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Hải Phòng      |                       |                     |                               |           |                  |
| Họ tên người mua hàng:  |                       |                     |                               |           |                  |
| Tên đơn vị: <b>CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VẠN TÀI THÀNH TRANG</b>     |                       |                     |                               |           |                  |
| Mã số thuế: <b>0200610845</b>   |                       |                     |                               |           |                  |
| Địa chỉ: <b>Khu Trung, Phường Đằng Lâm, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng</b>      |                       |                     |                               |           |                  |
| Hình thức thanh toán: <b>TIỀN MẶT</b>   |                       | Số tài khoản:       |                               |           |                  |
| STT   | TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ | ĐV TÍNH             | SỐ LƯỢNG                      | ĐƠN GIÁ   | THÀNH TIỀN       |
| 1   | 2                     | 3                   | 4                             | 5         | 6=4x5            |
| 01  | Tiếp khách            |                     | 1                             | 4.620.000 | 4.620.000        |
|   |                       |                     |                               |           |                  |
|   |                       |                     |                               |           |                  |
|   |                       |                     |                               |           |                  |
|   |                       |                     |                               |           |                  |
|   |                       |                     |                               |           |                  |
|   |                       |                     |                               |           |                  |
|   |                       |                     |                               |           |                  |
|   |                       |                     |                               |           |                  |
| Cộng tiền hàng:   |                       |                     |                               |           | 4.620.000        |
| Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT  |                       |                     |                               |           | 462.000          |
| Tổng cộng tiền thanh toán:  |                       |                     |                               |           | <b>5.082.000</b> |
| Số tiền viết bằng chữ: <b>Năm triệu không trăm tám mươi hai ngàn đồng chẵn./.</b> |                       |                     |                               |           |                  |
| Người mua hàng  |                       |                     | Người bán hàng                |           |                  |
| (Kí, ghi rõ họ tên)   |                       |                     | (Kí, ghi rõ họ tên)           |           |                  |
|   |                       |                     | Thủ trưởng đơn vị             |           |                  |
|   |                       |                     | (Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên) |           |                  |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)                             |                       |                     |                               |           |                  |

**Biểu 9: Phiếu chi số 009/12**

CÔNG TY TNHH TM XNK VẬN TẢI

Mẫu số: **02-TT**

THÀNH TRANGBan hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14 tháng 09 năm 2006

của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**Số: **009/12**

Ngày 11 tháng 12 năm 2015

Nợ TK642 :4.620.000

Nợ TK133 :462.000

Có TK 111:5.082.000

Họ và tên: **VŨ THỊ HOÀI**

Địa chỉ : Kế toán

Lý do : Trả tiền tiếp khách – Cty Thiên Hồng Phát (1526)

Số tiền : **5.082.000 VND**

Kèm theo: Chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):**Năm triệu không trăm tám mươi hai ngàn đồng chẵn./.**Thủ trưởng đơn vị **Kế toán trưởng** Người lập phiếu **Người nhận tiền** Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(ký, họ tên)

**Biểu 10: Hóa đơn GTGT số 0023214**

| <b>CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG PHÁT</b>   |                       |                       |                     |                               |                |
|---|-----------------------|-----------------------|---------------------|-------------------------------|----------------|
| Mã số thuế: <b>0200552449</b>   |                       |                       |                     |                               |                |
| Địa chỉ: <b>Số 7 lô 2B Lê Hồng Phong- Phường Đông Khê- Quận Ngô Quyền- Thành Phố Hải Phòng Việt Nam</b> |                       |                       |                     |                               |                |
| ĐT: <b>031.375676</b>   |                       |                       |                     |                               |                |
| Tài khoản: <b>28388239- Tại Ngân hàng TMCP Á Châu-CN Hải Phòng</b>                                      |                       |                       |                     |                               |                |
| Tài khoản: <b>102010001855472- Tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Hải Phòng</b>                 |                       |                       |                     |                               |                |
| <b>HÓA ĐƠN</b>  |                       |                       | Mẫu số: 01GTKT3/001 |                               |                |
| <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>   |                       |                       | Kí hiệu: AA/14P     |                               |                |
| (Liên 2: Giao người mua)  |                       |                       | Số: 0023214         |                               |                |
| Ngày 29 tháng 12 năm 2015   |                       |                       |                     |                               |                |
| Họ tên người mua hàng:  |                       |                       |                     |                               |                |
| Tên đơn vị: <b>CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VẠN TÀI THÀNH TRANG</b>                           |                       |                       |                     |                               |                |
| Mã số thuế: <b>0200610845</b>   |                       |                       |                     |                               |                |
| Địa chỉ: <b>Số 21, Thụ Trung, Phường Đằng Lâm, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng</b>                     |                       |                       |                     |                               |                |
| Hình thức thanh toán: <b>TIỀN MẶT</b>   |                       |                       | Số tài khoản:       |                               |                |
| STT   | TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ | ĐV TÍNH               | SỐ LƯỢNG            | ĐƠN GIÁ                       | THÀNH TIỀN     |
| 1   | 2                     | 3                     | 4                   | 5                             | 6=4x5          |
| 01  | Mực photo Sharp       | H                     | 1                   | 454.545                       | 454.545        |
| Cộng tiền hàng:   |                       |                       |                     |                               | 454.545        |
| Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT  |                       |                       |                     |                               | 45.455         |
| Tổng cộng tiền thanh toán:  |                       |                       |                     |                               | <b>500.000</b> |
| Số tiền viết bằng chữ: <b>Năm trăm ngàn đồng.</b>   |                       |                       |                     |                               |                |
| <b>Người mua hàng</b>   |                       | <b>Người bán hàng</b> |                     | <b>Thủ trưởng đơn vị</b>      |                |
| (Kí, ghi rõ họ tên)   |                       | (Kí, ghi rõ họ tên)   |                     | (Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên) |                |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)   |                       |                       |                     |                               |                |

**Biểu 11: Phiếu chi số 016/12**

CÔNG TY TNHH TM XNK VẬN TẢI

Mẫu số: **02-TT**

THÀNH TRANGBan hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14 tháng 09 năm 2006  
của Bộ trưởng BTC**PHIẾU CHI**Số: **016/12**

Ngày 26 tháng 12 năm 2015

Nợ TK 642 :454.545

Nợ TK 133 :45.455

Có TK 111:500.000

Họ và tên: **VŨ THỊ HOÀI**

Địa chỉ : Kế toán

Lý do : Trả tiền mua mực máy photo – Hoàng Phát (23214)

Số tiền : **500.000 VND**

Kèm theo: Chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):**Năm trăm ngàn đồng.****Thủ trưởng đơn vị** **Kế toán trưởng** **Người lập phiếu** **Người nhận tiền** **Thủ quỹ**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(ký, họ tên)

**Biểu 12: Trích sổ nhật ký chung**

CÔNG TY TNHH TM XNK VẬN TẢI

Mẫu số: **S03a - DNN**

THÀNH TRANG(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2015

| Chứng từ     |            | Diễn giải           | SHTK | Số phát sinh           |                        |
|--------------|------------|---------------------|------|------------------------|------------------------|
| Số hiệu      | Ngày tháng |                     |      | Nợ                     | Có                     |
|              |            | ...                 |      |                        |                        |
| PC<br>009/12 | 11/12/2015 | Tiếp<br>khách       | 642  | 4.620.000              |                        |
|              |            |                     | 133  | 462.000                |                        |
|              |            |                     | 111  |                        | 5.082.000              |
|              |            | ...                 |      |                        |                        |
| PC<br>016/12 | 29/12/2015 | Mua<br>mực<br>photo | 642  | 454.545                |                        |
|              |            |                     | 133  | 45.455                 |                        |
|              |            |                     | 111  |                        | 500.000                |
|              |            | ...                 |      |                        |                        |
| PKT 37       | 31/12/2015 | K/c CP<br>QLDN      | 911  | 705.886.645            |                        |
|              |            |                     | 642  |                        | 705.886.645            |
|              |            | ...                 |      |                        |                        |
|              |            | <b>Tổng<br/>SPS</b> |      | <b>122.999.313.931</b> | <b>122.999.313.931</b> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ  
(Ký, ghi rõ họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu 13: Trích sổ cái TK 642**

CÔNG TY TNHH TM XNK VẬN TẢI

Mẫu số: **S03b - DNN**

THÀNH TRANG(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2015

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

| Chứng từ |            | Diễn giải       | SHTK<br>đối ứng | Số phát sinh       |                    |
|----------|------------|-----------------|-----------------|--------------------|--------------------|
| Số hiệu  | Ngày tháng |                 |                 | Nợ                 | Có                 |
|          |            | <b>Số dư ĐK</b> |                 |                    |                    |
|          |            | ...             |                 |                    |                    |
| PC009/12 | 11/12/2015 | Tiếp khách      | 111             | 4.620.000          |                    |
|          |            | ...             |                 |                    |                    |
| PC016/12 | 29/12/2015 | Mua mực photo   | 111             | 454.545            |                    |
|          |            | ...             |                 |                    |                    |
| PKT37    | 31/12/2015 | K/c CP QLKD     | 642             |                    | 705.886.645        |
|          |            | <b>Tổng SPS</b> |                 | <b>705.886.645</b> | <b>705.886.645</b> |
|          |            | <b>Số dư CK</b> |                 |                    |                    |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

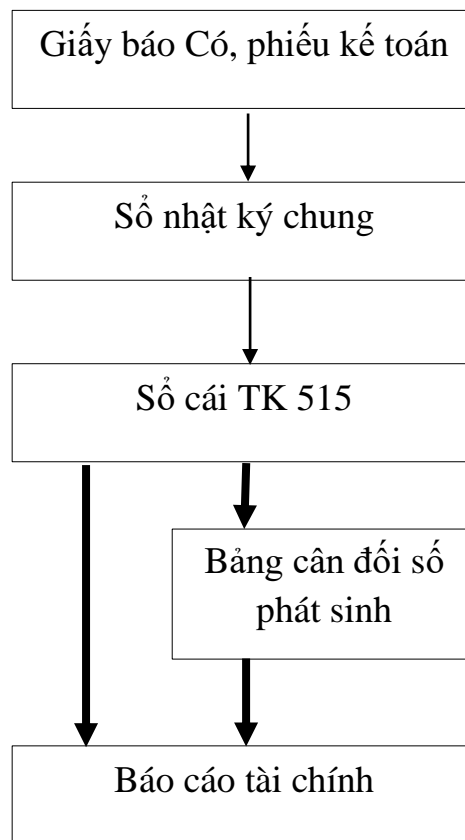
Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

## 2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang

### 2.2.4.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

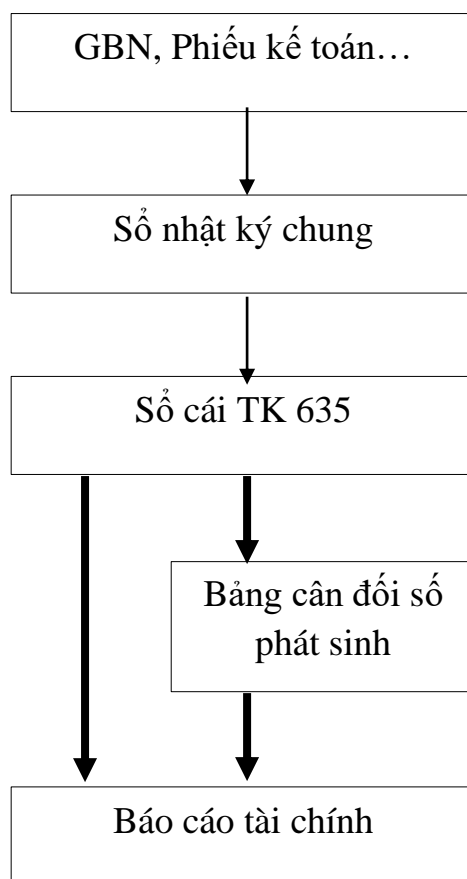
- Giấy báo Có
  - Giấy báo Nợ
  - Phiếu kế toán
  - Các chứng từ liên quan khác
- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính  
TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính

### 2.2.4.2. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Ghi chú:   
 —————→ Ghi hàng ngày  
 —————→ Ghi định kỳ



### Sơ đồ 2.7: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí hoạt động tài chính

*Ghi chú:*   
 —————→ Ghi hàng ngày  
 —————→ Ghi định kỳ

#### 2.2.4.3. Ví dụ thực tế tại công ty

**VD4:** Ngày 31/12/2015 ngân hàng SHB trả lãi tiền gửi ngân hàng số tiền 28.471 đồng.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 112 : 28.471

Có TK 515 : 28.471

**VD5:** Ngày 31/12/2015 trả lãi vay ngân hàng SHB số tiền 11.157.630 đồng. Kế toán định khoản:

Nợ TK 635 : 11.157.630

Có TK 112 : 11.157.630

Căn cứ vào GBC số 360 (Biểu số 14), GBN số 154 (Biểu số 15), kế toán vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 16). Từ Sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ Cái TK 515 (Biểu số 17) và Sổ Cái TK 635 (Biểu số 18)



**Biểu 14: Giấy báo có 360****NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI** Ngày in/ Printed date: 31/12/2015

Giao dịch viên/ Teller: LOANNTK3

Số giao dịch/ Trans no:TASF311215906770

**GIẤY BÁO CÓ/ CREDIT SLIP**

Ngày / date: 31/12/2015

**ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/ BENEFICIARY**

Tên tài khoản/ Customer name: CÔNG TY TNHH TM XNK&amp;VT THÀNH TRANG

Số tài khoản/ Account number: 1001653510

|   |
|---|
| Tổng số tiền bằng số/ Amount:<br>28.471 |
|---|

**ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/ PAYMENT**

Tên tài khoản/ Customer name: Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội

Số tài khoản/ Account number:

Số tiền bằng chữ/Amount in words: Hai mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi một đồng

Nội dung/ Content: Thanh toán tiền lãi

**GIAO DỊCH VIÊN***Teller***KIỂM SOÁT***Checker*

**Biểu 15: Giấy báo nợ 154****NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI** Ngày in/ Printed date: 31/12/2015

Giao dịch viên/ Teller: LOANNTK3

Số giao dịch/ Trans no:TASF311215908776

**GIẤY BÁO NỢ/ DEDIT SLIP**

Ngày / date: 31/12/2015

**ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/ BENEFICIARY**

Tên tài khoản/ Customer name: Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội

Số tài khoản/ Account number:

|   |
|---|
| Tổng số tiền bằng số/ Amount:<br>11.157.630 |
|---|

**ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/ PAYMENT**

Tên tài khoản/ Customer name: CÔNG TY TNHH TM XNK&amp;VT THÀNH TRANG

Số tài khoản/ Account number: 1001653510

Số tiền bằng chữ/Amount in words: Mười một triệu một trăm năm mươi bảy ngàn sáu trăm ba mươi đồng

Nội dung/ Content: Thanh toán tiền lãi vay

**GIAO DỊCH VIÊN***Teller***KIỂM SOÁT***Checker*

**Biểu 16: Trích sổ nhật ký chung**

CÔNG TY TNHH TM XNK VẬN TẢI

Mẫu số: **S03a - DNN**

THÀNH TRANG(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2015

| Chứng từ   |            | Diễn giải                | SHTK | Số phát sinh           |                        |
|------------|------------|--------------------------|------|------------------------|------------------------|
| Số hiệu    | Ngày tháng |                          |      | Nợ                     | Có                     |
|            |            | ...                      |      |                        |                        |
| GBC<br>360 | 31/12/2015 | Ngân hàng<br>SHB trả lãi | 112  | 28.471                 |                        |
|            |            |                          | 515  |                        | 28.471                 |
|            |            | ...                      |      |                        |                        |
| GBN<br>154 | 31/12/2015 | Trả lãi vay<br>ngân hàng | 635  | 11.157.630             |                        |
|            |            |                          | 112  |                        | 11.157.630             |
|            |            | ...                      |      |                        |                        |
| PKT36      | 31/12/2015 | K/c DTHĐTC               | 515  | 1.118.909              |                        |
|            |            |                          | 911  |                        | 1.118.909              |
| PKT37      | 31/12/2015 | K/c CPHĐTC               | 911  | 455.219.619            |                        |
|            |            |                          | 635  |                        | 455.219.619            |
|            |            | ...                      |      |                        |                        |
|            |            | <b>Tổng SPS</b>          |      | <b>122.999.313.931</b> | <b>122.999.313.931</b> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu 17: Trích sổ cái TK 515**

CÔNG TY TNHH TM XNK VẬN TẢI

Mẫu số: **S03b - DNN**

THÀNH TRANG(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2015

Tài khoản: 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

| Chứng từ |            | Diễn giải                | SHTK<br>đôi ứng | Số phát sinh     |                  |
|----------|------------|--------------------------|-----------------|------------------|------------------|
| Số hiệu  | Ngày tháng |                          |                 | Nợ               | Có               |
|          |            | <b>Số dư ĐK</b>          |                 |                  |                  |
|          |            | ...                      |                 |                  |                  |
| GBC360   | 31/12/2015 | Ngân hàng SHB<br>trả lãi | 112             |                  | 28.471           |
|          |            | ...                      |                 |                  |                  |
| PKT36    | 31/12/2015 | K/c DTHĐTC               | 911             | 1.118.909        |                  |
|          |            | <b>Tổng SPS</b>          |                 | <b>1.118.909</b> | <b>1.118.909</b> |
|          |            | <b>Số dư CK</b>          |                 |                  |                  |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu 18: Trích sổ cái TK 635**

CÔNG TY TNHH TM XNK VẬN TẢI

Mẫu số: **S03b - DNN**

THÀNH TRANG(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2015

Tài khoản: 635 – Chi phí hoạt động tài chính

| Chứng từ   |            | Diễn giải                | SHTK<br>đối ứng | Số phát sinh       |                    |
|------------|------------|--------------------------|-----------------|--------------------|--------------------|
| Số hiệu    | Ngày tháng |                          |                 | Nợ                 | Có                 |
|            |            | <b>Số dư ĐK</b>          |                 |                    |                    |
|            |            | ...                      |                 |                    |                    |
| GBN<br>154 | 31/12/2015 | Trả lãi vay ngân<br>hàng | 112             | 11.157.630         |                    |
|            |            | ...                      |                 |                    |                    |
| PKT37      | 31/12/2015 | K/c CP HĐTC              | 911             |                    | 455.219.619        |
|            |            | <b>Tổng SPS</b>          |                 | <b>455.219.619</b> | <b>455.219.619</b> |
|            |            | <b>Số dư CK</b>          |                 |                    |                    |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

## 2.2.5. Kế toán thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang

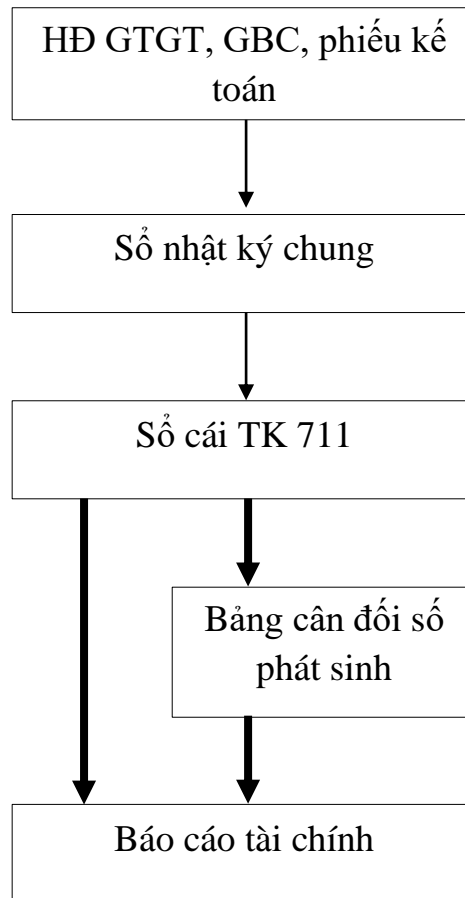
### 2.2.5.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Giấy báo Có
- Phiếu kế toán
- Hóa đơn GTGT

TK 711 – Thu nhập hoạt động khác

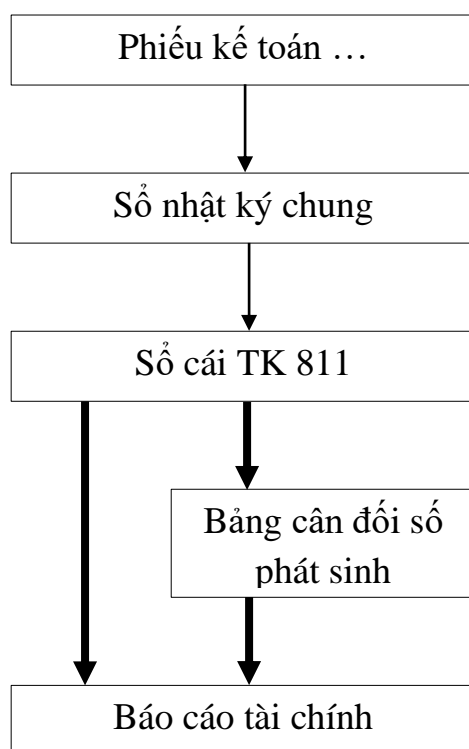
TK 811 – Chi phí hoạt động khác

### 2.2.5.2. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.8: Trình tự ghi sổ kế toán thu nhập hoạt động khác

Ghi chú:   
 —————→ Ghi hàng ngày  
 —————→ Ghi định kỳ



**Sơ đồ 2.9: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí hoạt động khác**

*Ghi chú:*   
 → Ghi hàng ngày  
 → Ghi định kỳ

### 2.2.6.3. Ví dụ thực tế tại công ty

**VD6: a.** Ngày 08/12/2015 bán xe Hyundai 16N-6680 nguyên giá 900.000.000 đồng, đã khấu hao 812.500.000 đồng

Kế toán định khoản:

Nợ TK 214 :812.500.000

Nợ TK 811 :87.500.000

Có TK 211 :900.000.000

**b.** Ngày 08/12/2015 bán xe Hyundai 16N-6680 số tiền 125.000.000 đồng (đã bao gồm VAT)

Kế toán định khoản:

Nợ TK 112 :125.000.000

Có TK 711 : 113.636.363

Có TK 3331:11.363.637

Căn cứ biên bản thanh lý TSCĐ (Biểu số 19), HĐ GTGT số 0001660 (Biểu số 20), GBC số 340 (Biểu số 21), kế toán vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 22). Từ Sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ Cái TK 711 (Biểu số 23) và Sổ Cái TK 811 (Biểu số 24)

**Biểu 19: Biên bản thanh lý TSCĐ**

|   |                           |            |
|---|---------------------------|------------|
| Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM XNK VÀ<br>VẬN TẢI THÀNH TRANG   | Mẫu số: 02-TSCĐ           |            |
| Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC   |                           |            |
| Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC   |                           |            |
| <b>BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ</b>   |                           |            |
| Ngày 08 tháng 12 năm 2015   |                           |            |
| Căn cứ Quyết định số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC về việc thanh lý TSCĐ. |                           |            |
| <b>I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:</b>  |                           |            |
| - Ông Nguyễn Đức Tuấn   | Chức vụ: Giám đốc         | Trưởng ban |
| - Bà Đỗ Thị Khánh   | Chức vụ: Phó giám đốc     | Ủy viên    |
| <b>II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:</b>   |                           |            |
| - Tên, mã ký hiệu, quy cách TSCĐ: Hyundai   |                           |            |
| - Nước sản xuất: Hàn Quốc   |                           |            |
| - Năm sản xuất: 2009  |                           |            |
| - Năm đưa vào sử dụng: 2010   |                           |            |
| - Nguyên giá TSCĐ: 900.000.000  |                           |            |
| - Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 812.500.000  |                           |            |
| - Giá trị còn lại của TSCĐ: 87.500.000  |                           |            |
| <b>III. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ:</b>   |                           |            |
| Xe Hyundai 14T BKS 16N-6680 vẫn sử dụng tốt, không tốn dầu.   |                           |            |
|   | Ngày 08 tháng 12 năm 2015 |            |
|   | Trưởng ban thanh lý       |            |
|   | (Ký, họ tên)              |            |
| <b>IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:</b>   |                           |            |
| - Giá trị thu hồi: 87.500.000 (viết bằng chữ): Tám mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng chẵn.              |                           |            |
| - Đã ghi giảm TSCĐ ngày 08 tháng 12 năm 2015  |                           |            |
|   | Ngày 08 tháng 12 năm 2015 |            |
| Giám đốc  | Kế toán trưởng            |            |
| (Ký, họ tên, đóng dấu)  | (Ký, họ tên)              |            |



**Biểu 20: Hóa đơn GTGT số 0001660**

| <b>HÓA ĐƠN</b>  |                       | Mẫu số: 01GTKT3/001                              |          |                               |                    |
|---|-----------------------|--|----------|-------------------------------|--------------------|
| <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>   |                       | Kí hiệu: AA/14P                                  |          |                               |                    |
| (Liên 3: Hạch toán nội bộ)  |                       | Số: 0001660                                      |          |                               |                    |
| Ngày 08 tháng 12 năm 2015   |                       |  |          |                               |                    |
| Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VẠN TÀI THÀNH TRANG</b>          |                       |  |          |                               |                    |
| Mã số thuế: <b>0200610845</b>   |                       |  |          |                               |                    |
| Địa chỉ: <b>21 THỦ TRUNG, PHƯỜNG ĐẰNG LÂM, QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG</b>             |                       |  |          |                               |                    |
| Điện thoại: <b>0313.614.142</b>   |                       |  |          |                               |                    |
| Số tài khoản: <b>1001653510</b>   |                       | Tại: <b>NH SHB Hải Phòng, phòng GD Lạch Tray</b> |          |                               |                    |
| Họ tên người mua hàng:  |                       |  |          |                               |                    |
| Tên đơn vị: <b>DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRỌNG THIÊN</b>   |                       |  |          |                               |                    |
| Mã số thuế: <b>0200259680</b>   |                       |  |          |                               |                    |
| Địa chỉ: <b>1248 NGUYỄN BÌNH KHIÊM, PHƯỜNG ĐÔNG HẢI 2, QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG</b> |                       |  |          |                               |                    |
| Hình thức thanh toán: <b>CK</b>   |                       | Số tài khoản:                                    |          |                               |                    |
| STT   | TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ | ĐV TÍNH  | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ                       | THÀNH TIỀN         |
| 1   | 2                     | 3  | 4        | 5                             | 6=4x5              |
| 01  | Xe Hyundai 14T        | Chiếc  | 01       | 113.636.363                   | 113.636.363        |
|   | BKS: 16N-6680         |  |          |                               |                    |
|   |                       |  |          |                               |                    |
|   |                       |  |          |                               |                    |
|   |                       |  |          |                               |                    |
|   |                       |  |          |                               |                    |
|   |                       |  |          |                               |                    |
|   |                       |  |          |                               |                    |
| Cộng tiền hàng:   |                       |  |          |                               | 113.636.363        |
| Thuế suất GTGT: 10%      Tiền thuế GTGT   |                       |  |          |                               | 11.363.637         |
| Tổng cộng tiền thanh toán:  |                       |  |          |                               | <b>125.000.000</b> |
| Số tiền viết bằng chữ: <b>Một trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn.</b>                        |                       |  |          |                               |                    |
| <b>Người mua hàng</b>   |                       | <b>Người bán hàng</b>                            |          | <b>Thủ trưởng đơn vị</b>      |                    |
| (Kí, ghi rõ họ tên)   |                       | (Kí, ghi rõ họ tên)                              |          | (Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên) |                    |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)                                       |                       |  |          |                               |                    |

**Biểu 21: Giấy báo có 340**

**NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI** Ngày in/ Printed date: 08/12/2015

Giao dịch viên/ Teller: LOANNTK3

Số giao dịch/ Trans no:TASF801215906770

**GIẤY BÁO CÓ/ CREDIT SLIP**

Ngày / date: 08/12/2015

**ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/ BENEFICIARY**

Tên tài khoản/ Customer name:CÔNG TY TNHH TM XNK&VT THÀNH TRANG

Số tài khoản/ Account number: 1001653510

Tổng số tiền bằng số/ Amount:  
125.000.000

**ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/ PAYMENT**

Tên tài khoản/ Customer name: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRỌNG THIÊN

Số tài khoản/ Account number: 1002535674

Số tiền bằng chữ/Amount in words: Một trăm hai mươi lăm triệu đồng

Nội dung/ Content: Thanh toán tiền cước

**GIAO DỊCH VIÊN**

*Teller*

**KIỂM SOÁT**

*Checker*

**Biểu 22: Trích sổ nhật ký chung**

CÔNG TY TNHH TM XNK VẬN TẢI

Mẫu số: **S03a - DNN**

THÀNH TRANG(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2015

| Chứng từ |            | Diễn giải       | SHTK | Số phát sinh           |                        |
|----------|------------|-----------------|------|------------------------|------------------------|
| Số hiệu  | Ngày tháng |                 |      | Nợ                     | Có                     |
|          |            | ...             |      |                        |                        |
| GBC340   | 08/12/2015 | Bán xe          | 112  | 125.000.000            |                        |
|          |            | Huyndai         | 711  |                        | 113.636.363            |
|          |            | 6680            | 3331 |                        | 11.363.637             |
| BBTLTS   | 31/12/2015 | Bán xe          | 214  | 812.500.000            |                        |
|          |            | Huyndai         | 811  | 87.500.000             |                        |
|          |            | 6680            | 211  |                        | 900.000.000            |
|          |            | ...             |      |                        |                        |
| PKT 36   | 31/12/2015 | K/c             | 711  | 126.818.182            |                        |
|          |            | TNHD khác       | 911  |                        | 126.818.182            |
|          |            | ...             |      |                        |                        |
| PKT 37   | 31/12/2015 | K/c             | 911  | 106.166.674            |                        |
|          |            | CPHD khác       | 811  |                        | 106.166.674            |
|          |            | ...             |      |                        |                        |
|          |            | <b>Tổng SPS</b> |      | <b>122.999.313.931</b> | <b>122.999.313.931</b> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu 23: Trích sổ cái TK 711**

CÔNG TY TNHH TM XNK VẬN TẢI

Mẫu số: **S03b - DNN**

THÀNH TRANG(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2015

Tài khoản: 711 – Thu nhập hoạt động khác

| Chứng từ |            | Diễn giải                 | SHTK<br>đôi ứng | Số phát sinh       |                    |
|----------|------------|---------------------------|-----------------|--------------------|--------------------|
| Số hiệu  | Ngày tháng |                           |                 | Nợ                 | Có                 |
|          |            | <b>Số dư ĐK</b>           |                 |                    |                    |
|          |            | ...                       |                 |                    |                    |
| GBC340   | 08/12/2015 | Bán xe<br>Hyundai<br>6680 | 112             |                    | 113.636.363        |
|          |            | ...                       |                 |                    |                    |
| PKT36    | 31/12/2015 | K/c TNHH<br>khác          | 911             | 126.818.182        |                    |
|          |            | <b>Tổng SPS</b>           |                 | <b>126.818.182</b> | <b>126.818.182</b> |
|          |            | <b>Số dư CK</b>           |                 |                    |                    |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu 24: Trích sổ cái TK 811**

CÔNG TY TNHH TM XNK VẬN TẢI

Mẫu số: **S03b - DNN**

THÀNH TRANG(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2015

Tài khoản: 811 – Chi phí hoạt động khác

| Chứng từ |            | Diễn giải                 | SHTK<br>đối ứng | Số phát sinh       |                    |
|----------|------------|---------------------------|-----------------|--------------------|--------------------|
| Số hiệu  | Ngày tháng |                           |                 | Nợ                 | Có                 |
|          |            | <b>Số dư ĐK</b>           |                 |                    |                    |
|          |            | ...                       |                 |                    |                    |
| BRTLTS   | 08/12/2015 | Bán xe<br>Hyundai<br>6680 | 211             | 87.500.000         |                    |
|          |            | ...                       |                 |                    |                    |
| PKT37    | 31/12/2015 | K/c CPHĐ<br>khác          | 911             |                    | 106.166.674        |
|          |            | <b>Tổng SPS</b>           |                 | <b>106.166.674</b> | <b>106.166.674</b> |
|          |            | <b>Số dư CK</b>           |                 |                    |                    |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

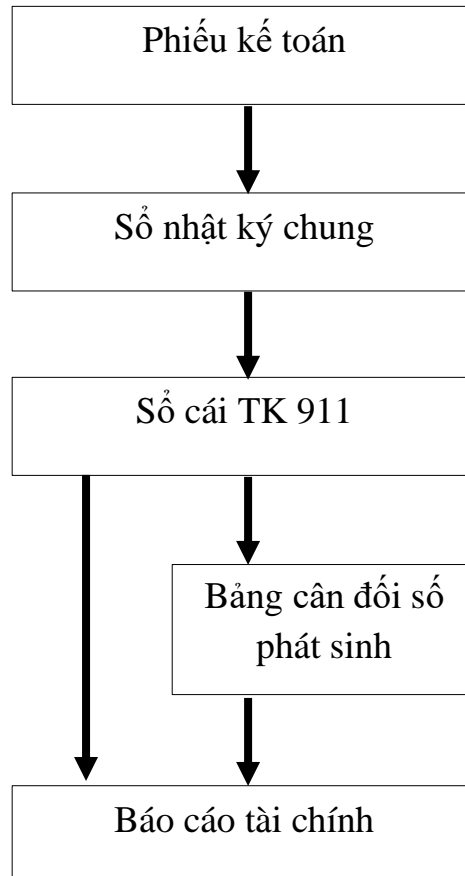
## 2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang

### 2.2.6.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Phiếu kế toán

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

### 2.2.6.2. Quy trình hạch toán



### Sơ đồ 2.10: Trình tự ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh

Ghi chú:       $\longrightarrow$       Ghi định kỳ

**2.2.6.3. Ví dụ thực tế tại công ty****VD7: Xác định kết quả kinh doanh**

Ngày 31/12/2015 kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Kế toán định khoản:

Nợ TK 511 : 12.354.001.017

Có TK 911 : 12.354.001.017

Ngày 31/12/2015 kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính. Kế toán định khoản:

Nợ TK 515 : 1.118.909

Có TK 911 : 1.118.909

Ngày 31/12/2015 kết chuyển giá vốn hàng bán. Kế toán định khoản:

Nợ TK 911 : 11.109.792.493

Có TK 632 : 11.109.792.493

Ngày 31/12/2015 kết chuyển chi phí hoạt động tài chính. Kế toán định khoản:

Nợ TK 911 : 455.219.619

Có TK 635 : 455.219.619

Ngày 31/12/2015 kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh. Kế toán định khoản:

Nợ TK 911 : 707.886.645

Có TK 642 : 707.886.645

Ngày 31/12/2015 kết chuyển thu nhập hoạt động khác. Kế toán định khoản:

Nợ TK 711 : 126.818.182

Có TK 911 : 126.818.182

Ngày 31/12/2015 kết chuyển chi phí hoạt động khác. Kế toán định khoản:

Nợ TK 911 : 106.166.674

Có TK 811 : 106.166.674

Ngày 31/12/2015 kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Kế toán định khoản:

Nợ TK 821 : 21.233.335

Có TK 3334 : 21.233.335

Nợ TK 911 : 21.233.335

Có TK 821 : 21.233.335

Ngày 31/12/2015 kết chuyển lãi. Kế toán định khoản:

Nợ TK 911 : 83.639.342

Có TK 421 : 83.639.342

Kế toán lập phiếu kế toán sau:

**Biểu 25: Phiếu kế toán số 36****Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang**

Địa chỉ: Số 21, Khu Thụ Trung, Phường Đằng Lâm, Quận Hải An, Hải Phòng

MST: 0200610845

**PHIẾU KẾ TOÁN SỐ 36**

| Ngày tháng | Diễn giải        | SHTK |     | Số tiền               |
|------------|------------------|------|-----|-----------------------|
|            |                  | Nợ   | Có  |                       |
| 31/12/2015 | K/c DTBH và CCDV | 511  | 911 | 12.354.001.017        |
| 31/12/2015 | K/c DTHĐTC       | 515  | 911 | 1.118.909             |
| 31/12/2015 | K/c TNHĐ khác    | 711  | 911 | 126.818.182           |
|            | <b>Cộng</b>      |      |     | <b>12.481.937.380</b> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu 26: Phiếu kế toán số 37****Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang**

Địa chỉ: Số 21, Khu Thụ Trung, Phường Đằng Lâm, Quận Hải An, Hải Phòng

MST: 0200610845

**PHIẾU KẾ TOÁN SỐ 37**

| Ngày tháng | Diễn giải      | SHTK |     | Số tiền               |
|------------|----------------|------|-----|-----------------------|
|            |                | Nợ   | Có  |                       |
| 31/12/2015 | K/c giá vốn    | 911  | 632 | 11.109.792.493        |
| 31/12/2015 | K/c CP QLDN    | 911  | 642 | 707.886.645           |
| 31/12/2015 | K/c CP HĐTC    | 911  | 635 | 455.219.619           |
| 31/12/2015 | K/c CP HĐ khác | 911  | 811 | 106.166.674           |
|            | <b>Cộng</b>    |      |     | <b>12.379.065.430</b> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



**Biểu 27: Phiếu kế toán số 38****Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang**

Địa chỉ: Số 21, Khu Thù Trung, Phường Đằng Lâm, Quận Hải An, Hải Phòng

MST: 0200610845

**PHIẾU KẾ TOÁN SỐ 38**

| Ngày tháng | Diễn giải          | SHTK |      | Số tiền           |
|------------|--------------------|------|------|-------------------|
|            |                    | Nợ   | Có   |                   |
| 31/12/2015 | Xác định thuế TNDN | 821  | 3334 | 21.233.335        |
|            | <b>Cộng</b>        |      |      | <b>21.233.335</b> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu 28: Phiếu kế toán số 39****Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang**

Địa chỉ: Số 21, Khu Thù Trung, Phường Đằng Lâm, Quận Hải An, Hải Phòng

MST: 0200610845

**PHIẾU KẾ TOÁN SỐ 39**

| Ngày tháng | Diễn giải        | SHTK |     | Số tiền           |
|------------|------------------|------|-----|-------------------|
|            |                  | Nợ   | Có  |                   |
| 31/12/2015 | K/c CP thuế TNDN | 911  | 821 | 21.233.335        |
|            | <b>Cộng</b>      |      |     | <b>21.233.335</b> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu 29: Phiếu kế toán số 40****Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang**

Địa chỉ: Số 21, Khu Thù Trung, Phường Đằng Lâm, Quận Hải An, Hải Phòng

MST: 0200610845

**PHIẾU KẾ TOÁN SỐ 40**

| Ngày tháng | Diễn giải   | SHTK |     | Số tiền           |
|------------|-------------|------|-----|-------------------|
|            |             | Nợ   | Có  |                   |
| 31/12/2015 | K/c lãi     | 911  | 421 | 83.639.342        |
|            | <b>Cộng</b> |      |     | <b>83.639.342</b> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu  
(Ký, ghi rõ họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu 30: Trích sổ nhật ký chung**

CÔNG TY TNHH TM XNK VẬN TẢI

Mẫu số: **S03a - DNN**

THÀNH TRANG(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2015

| Chứng từ |            | Diễn giải              | SHTK | Số phát sinh           |                        |
|----------|------------|------------------------|------|------------------------|------------------------|
| Số hiệu  | Ngày tháng |                        |      | Nợ                     | Có                     |
|          |            | ...                    |      |                        |                        |
| PKT36    | 31/12/2015 | K/c DTBH<br>và CCDV    | 511  | 12.354.001.017         |                        |
|          |            |                        | 911  |                        | 12.354.001.017         |
| PKT36    | 31/12/2015 | K/c<br>DTHĐTC          | 515  | 1.118.909              |                        |
|          |            |                        | 911  |                        | 1.118.909              |
| PKT36    | 31/12/2015 | K/c TNHĐ<br>khác       | 711  | 126.818.182            |                        |
|          |            |                        | 911  |                        | 126.818.182            |
| PKT37    | 31/12/2015 | K/c giá<br>vốn         | 911  | 11.109.792.493         |                        |
|          |            |                        | 632  |                        | 11.109.792.493         |
| PKT37    | 31/12/2015 | K/c<br>CPQLKD          | 911  | 707.886.645            |                        |
|          |            |                        | 642  |                        | 707.886.645            |
| PKT37    | 31/12/2015 | K/c<br>CPHĐTC          | 911  | 455.219.619            |                        |
|          |            |                        | 635  |                        | 455.219.619            |
| PKT37    | 31/12/2015 | K/c CPHĐ<br>khác       | 911  | 106.166.674            |                        |
|          |            |                        | 811  |                        | 106.166.674            |
|          |            | ...                    |      |                        |                        |
| PKT38    | 31/12/2015 | K/c CP<br>thuế<br>TNDN | 911  | 21.233.335             |                        |
|          |            |                        | 821  |                        | 21.233.335             |
| PKT39    | 31/12/2015 | K/c lãi                | 911  | 83.639.342             |                        |
|          |            |                        | 421  |                        | 83.639.342             |
|          |            | <b>Tổng SPS</b>        |      | <b>122.999.313.931</b> | <b>122.999.313.931</b> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu 31: Trích sổ cái TK 911**

CÔNG TY TNHH TM XNK VẬN TẢI

Mẫu số: **S03b - DNN**

THÀNH TRANG(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2015

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh

| Chứng từ |            | Diễn giải           | SHTK<br>đôi ứng | Số phát sinh          |                       |
|----------|------------|---------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| Số hiệu  | Ngày tháng |                     |                 | Nợ                    | Có                    |
|          |            | <b>Số dư ĐK</b>     |                 |                       |                       |
|          |            | ...                 |                 |                       |                       |
| PKT36    | 31/12/2015 | Kết chuyển DT       | 511             |                       | 12.354.001.017        |
| PKT36    | 31/12/2015 | K/c<br>DTHĐTC       | 515             |                       | 1.118.909             |
| PKT36    | 31/12/2015 | K/c TNHH<br>khác    | 711             |                       | 126.818.182           |
| PKT37    | 31/12/2015 | K/c giá vốn         | 632             | 11.109.792.493        |                       |
| PKT37    | 31/12/2015 | K/c CP<br>QLKD      | 642             | 707.886.645           |                       |
| PKT37    | 31/12/2015 | K/c CPHĐTC          | 635             | 455.219.619           |                       |
| PKT37    | 31/12/2015 | K/c CPHĐ<br>khác    | 811             | 106.166.674           |                       |
| PKT38    | 31/12/2015 | K/c CP thuế<br>TNDN | 821             |                       | 21.233.335            |
| PKT39    | 31/12/2015 | K/c lãi             | 421             | 83.639.342            |                       |
|          |            | <b>Tổng SPS</b>     |                 | <b>12.814.535.896</b> | <b>12.814.535.896</b> |
|          |            | <b>Số dư CK</b>     |                 |                       |                       |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu 32: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****CÔNG TY TNHH TM XNK VT THÀNH TRANG** Mẫu số: **B02 - DNN**

MST:0200610845 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm: 2015

| STT       | Chỉ tiêu  | Mã        | Thuyết minh  | Số năm nay            | Số năm trước          |
|-----------|---|-----------|--------------|-----------------------|-----------------------|
| (1)       | (2)   | (3)       | (4)          | (5)                   | (6)                   |
| 1         | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                            | 01        | IV.08        | 12.354.001.017        | 11.074.624.891        |
| 2         | Các khoản giảm trừ doanh thu                                      | 02        |              | 0                     | 0                     |
| <b>3</b>  | <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b> | <b>10</b> |              | <b>12.354.001.017</b> | <b>11.074.624.891</b> |
| 4         | Giá vốn hàng bán  | 11        |              | 11.109.792.493        | 10.688.900.315        |
| <b>5</b>  | <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>   | <b>20</b> |              | <b>1.244.208.524</b>  | <b>385.724.576</b>    |
| 6         | Doanh thu hoạt động tài chính                                     | 21        |              | 1.118.909             | 445.796               |
| 7         | Chi phí tài chính   | 22        |              | 455.219.619           | 108.008.564           |
|           | - Trong đó chi phí lãi vay  | 23        |              | 455.219.619           | 108.008.564           |
| 8         | Chi phí quản lý kinh doanh  | 24        |              | 705.886.645           | 414.704.847           |
| <b>9</b>  | <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)</b>   | <b>30</b> |              | <b>84.221.169</b>     | <b>(136.543.039)</b>  |
| 10        | Thu nhập khác   | 31        |              | 126.818.182           | 0                     |
| 11        | Chi phí khác  | 32        |              | 106.166.674           | 3.036.295             |
| <b>12</b> | <b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>                                  | <b>40</b> |              | <b>20.651.508</b>     | <b>(3.036.295)</b>    |
| <b>13</b> | <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>               | <b>50</b> | <b>IV.09</b> | <b>104.872.677</b>    | <b>(139.579.334)</b>  |
| 14        | Chi phí thuế TNDN   | 51        |              | 21.233.335            | 16.631.808            |
| <b>15</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>        | <b>60</b> |              | <b>83.639.342</b>     | <b>(156.211.142)</b>  |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

### **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VẬN TẢI THÀNH TRANG**

#### **3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang**

Trong những năm vừa qua, Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang đã trải qua những giai đoạn thuận lợi và khó khăn, những bước thăng trầm và nhiều biến động thị trường. Tuy nhiên công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thành Trang đã gặt hái được nhiều thành công trong lĩnh vực kinh doanh về dịch vụ vận tải.

Để có được những thành quả như ngày nay, Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang đã không ngừng mở rộng thị trường, khai thác triệt để các vùng thị trường tiềm năng trong nước, đồng thời có biện pháp thỏa đáng đối với các khách hàng quen thuộc nhằm tạo sự gắn bó, gây dựng mối quan hệ... Ngoài ra không thể không nhắc đến sự cố gắng, nỗ lực không ngừng của tất cả các thành viên trong công ty, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của phòng tài chính kế toán. Với cách bố trí công việc hợp lý, công tác kế toán nói chung và công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng đã đi vào nề nếp và đã đạt được những kết quả nhất định.

Công ty luôn chấp hành tốt các chế độ quản lý tài chính, chứng từ và sổ sách báo cáo tài chính được thực hiện chính xác, đúng theo quy định theo mẫu của Bộ tài chính ban hành.

Với đội ngũ lãnh đạo năng động, khả năng nắm bắt thông tin thị trường nhạy bén, cơ cấu tổ chức khoa học, gọn nhẹ, phù hợp với nhu cầu kinh doanh. Ban giám đốc hàng năm xây dựng kế hoạch, đề ra phương hướng, mục tiêu phấn đấu cụ thể, đồng thời có những đối sách phù hợp, kịp thời đảm bảo cho hoạt động kinh doanh thuận lợi.

Quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới được xác định rõ ràng nhưng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, nhân viên có thể trao đổi trực tiếp, thẳng thắn đóng góp ý kiến về tình hình kinh doanh, công tác tổ chức và thái độ làm việc.

Với chính sách quản lý kinh doanh hợp lý, nhạy bén với thị trường. Công ty đã tạo được một vị trí vững vàng trong ngành vận tải. Đó là sự nỗ lực không

chỉ của Ban lãnh đạo mà còn là của cả tập thể nhân viên công ty, điều này chứng minh sức mạnh đoàn kết tập thể trong đơn vị.

Công tác tổ chức đã đi vào ổn định, các phòng ban, bộ phận đã có sự phân công hợp lý, trách nhiệm rõ ràng. Nguyên tắc trong đơn vị đã được hình thành và thống nhất từ trên xuống dưới.

### 3.1.1. Ưu điểm

Cùng với sự chuyển đổi nền kinh tế thì phương thức kinh doanh và công tác quản lý của Công ty cũng có những thay đổi để phù hợp với cơ chế mới. Sự chuyển đổi đó giúp cho Công ty không ngừng phát triển. Qua tìm hiểu tình hình thực tế ở Công ty cho thấy tổ chức kế toán ở công ty đã đáp ứng được yêu cầu quản lý đặt ra, đảm bảo tính thống nhất về mặt phạm vi và phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán với các bộ phận có liên quan cũng như giữa các nội dung của công tác kế toán, đồng thời đảm bảo cho số liệu kế toán phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu. Tổ chức kế toán ở công ty hiện nay tương đối hợp lý với điều kiện thực tế ở công ty.

Công tác đào tạo cán bộ kế toán được chú trọng, hiện nay công ty không ngừng tạo điều kiện cho các nhân viên đi học thêm nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn.

Bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh của công ty. Hình thức này đảm bảo tính thống nhất, tập trung chặt chẽ đối với công tác kế toán. Bộ máy kế toán gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí công tác kế toán.

Công tác kế toán của công ty thực hiện đúng theo những quy định hiện hành và luôn theo sát những quy định kế toán mới nhất để kịp thời thay đổi cho phù hợp. Các chứng từ kế toán đều đầy đủ chữ ký cần thiết.

Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang đã đáp ứng yêu cầu của giám đốc trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của Công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép, phản ánh được tiến hành dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành.

- Về hình thức sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức Sổ nhật ký chung. Hình thức về kế toán này có ưu điểm đơn giản, dễ áp dụng.

- Về chứng từ kế toán: Kế toán đã áp dụng các chứng từ bắt buộc do Bộ tài chính ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC. Công tác lưu giữ chứng từ được phòng kế toán thực hiện cẩn thận và hợp lý.

### **3.1.2. Hạn chế**

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được công tác tổ chức kế toán của doanh nghiệp còn gặp những khó khăn sau:

- Hiện nay doanh nghiệp đã được trang bị hệ thống máy tính hiện đại giúp cho công việc kế toán được giảm đi một cách đáng kể, tuy vậy doanh nghiệp vẫn chưa sử dụng phần mềm kế toán.

- Công ty không tiến hành đánh giá và lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi vì có nhiều khách hàng nợ tiền cước lâu hoặc không có khả năng thanh toán.

### **3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang**

Tạo điều kiện cho kế toán tham gia những lớp đào tạo về chế độ chính sách thuế, kế toán để có thể phục vụ công tác kế toán tốt hơn.

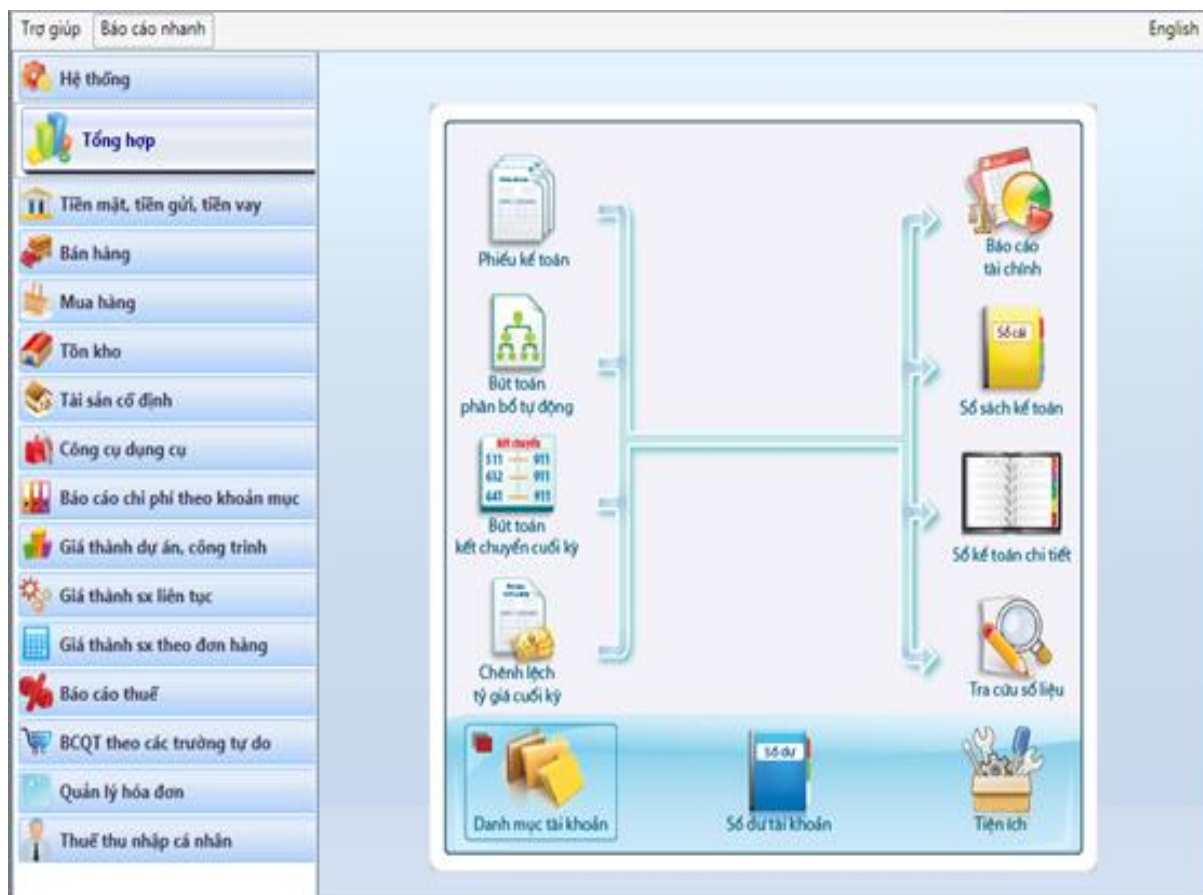
Cần giảm thiểu tối đa chi phí quản lý kinh doanh bằng cách tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, linh hoạt để sao cho chi phí thấp mà hiệu quả kinh doanh cao.

#### **- Ý kiến 1: Áp dụng kế toán máy**

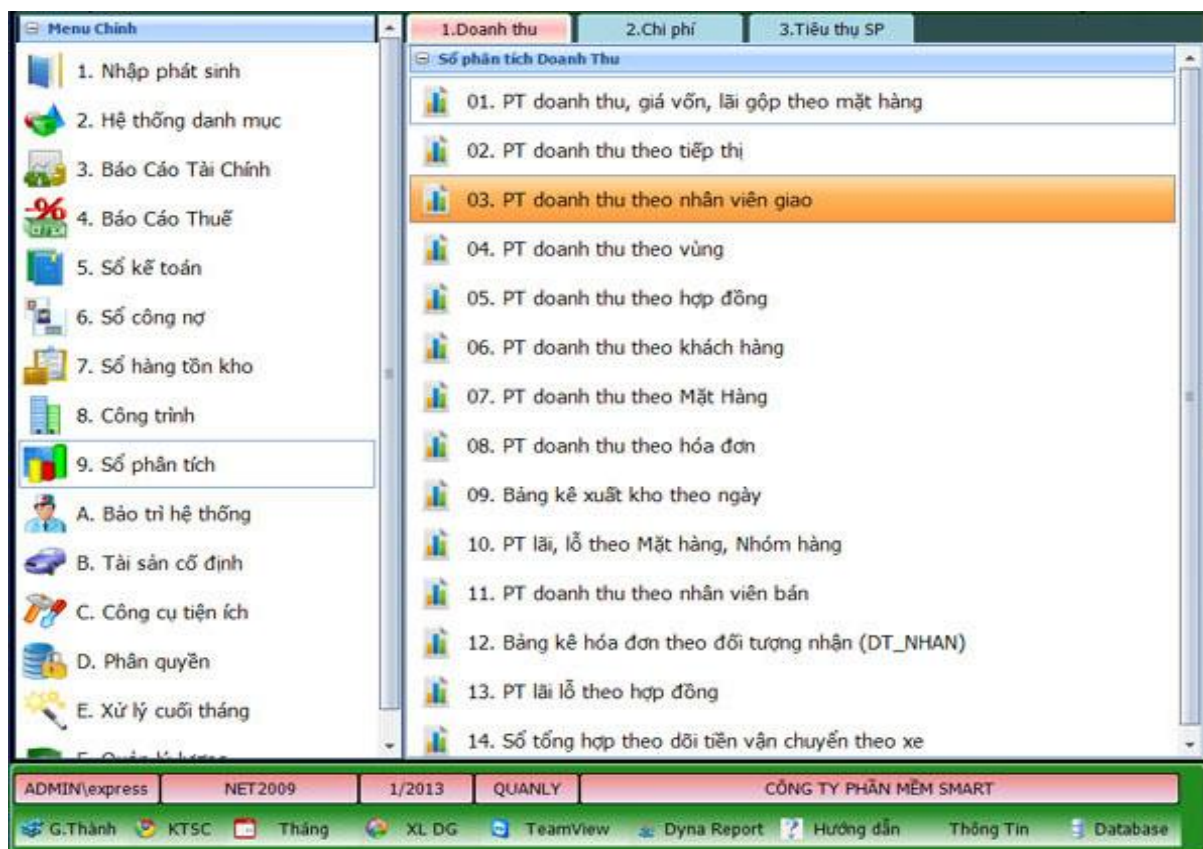
Tại doanh nghiệp, công tác hạch toán kế toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, tính lương, khấu hao TSCĐ trên Excel. Công việc kế toán được tổng hợp vào cuối tháng cho nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Vì vậy, công ty cần quan tâm đầu tư phần mềm kế toán cho công ty. Các phần mềm kế toán như:



## - Phần mềm kế toán Fast



## - Phần mềm kế toán Smart



**- Ý kiến2: Trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi****a) Đối tượng lập dự phòng**

Là các khoản nợ phải thu nhằm đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ, thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

- Có đủ căn cứ và xác định là khoản thu khó đòi.

\* Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ hoặc cam kết nợ khác.

\* Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, gian dối, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

**b) Điều kiện lập dự phòng**

Để lập dự phòng đơn vị phải có những bằng chứng đáng tin cậy về các khoản nợ phải thu khó đòi.

\* Khách hàng bị phá sản hoặc bị tổn thất, thiệt hại lớn về tài sản nên không có khả năng thanh toán các khoản nợ phải thu được theo dõi cho từng đối tượng, từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó chi tiết nợ phải thu khó đòi phải có chứng từ gốc hoặc các chứng từ xác minh số nợ mà khách hàng chưa trả.

\* Khi doanh nghiệp có các khoản thu quá hạn thanh toán như trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ doanh nghiệp đã đòi nợ nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc là các khoản nợ thu chưa đến hạn thanh toán, nhưng khách hàng lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích bỏ trốn thì lúc này doanh nghiệp lên tiến hành dự kiến tổn thất không thu hồi được để tiến hành trích lập.

**c) Phương pháp lập dự phòng.**

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi trên.

Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009, hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng là:

| Thời gian quá hạn thanh toán | Mức dự phòng cần trích lập      |
|------------------------------|---------------------------------|
| 6 tháng $\leq t < 1$ năm     | 30% giá trị nợ phải thu quá hạn |
| 1 năm $\leq t < 2$ năm       | 50% giá trị nợ phải thu quá hạn |
| 2 năm $\leq t < 3$ năm       | 70% giá trị nợ phải thu quá hạn |
| $\geq 3$ năm                 | 100% giá trị phải thu quá hạn   |

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được và trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

- TK sử dụng 1592: Dự phòng phải thu khó đòi.

- Phương pháp hạch toán:

- Ngày 31/12/N trích lập dự phòng phải thu khó đòi năm N+1

Nợ TK 642

Có TK 1592

- Trong năm N+1 khi phát sinh tổn thất thực tế căn cứ vào quyết định cho phép xóa sổ nợ phải thu khó đòi, kế toán ghi:

Nợ TK 1592

Nợ TK 642

Có TK 131,138...

Đồng thời ghi nợ TK 004

- Các khoản nợ phải thu khó đòi sau khi có quyết định xử lý xóa sổ doanh nghiệp vẫn phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và trên TK 004 trong thời gian tối thiểu 5 năm và tiếp tục có biện pháp thu hồi.

- Tại ngày 31/12/N+1: Nếu số dự phòng phải trích bằng số dư khoản nợ dự phòng phải thu khó đòi thì doanh nghiệp không phải trích lập. Còn nếu số dự phòng phải trích lớn hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác.

#### **Ví dụ minh họa:**

Từ bảng kê công nợ (Biểu 33) và dựa vào mức trích lập dự phòng theo quy định kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi (Biểu 34) vào ngày 31/12 như sau:

**Biểu 33: Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2015**

Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang

Địa chỉ: Khu Thù Trung, Phường Đằng Lâm, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

**BẢNG KÊ CÔNG NỢ**

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

| Tên khách hàng                              | Số tiền nợ           | Chưa đến hạn       | Đến hạn            | Quá hạn            | Không đòi được | Ghi chú          |
|---|----------------------|--------------------|--------------------|--------------------|----------------|------------------|
| Công ty TNHH thương mại vận tải Hoàng Quân  | 45.250.000           |                    |                    | 45.250.000         |                | 13 tháng 20 ngày |
| Công ty TNHH thương mại vận tải Thịnh Loan  | 100.000.000          | 100.000.000        |                    |                    |                |                  |
| ...   | ...                  | ...                | ...                | ...                | ...            | ...              |
| Công ty TNHH thương mại vận tải Thành Trung | 85.600.000           |                    |                    | 85.600.000         |                | 6 tháng 15 ngày  |
| <b>Tổng cộng</b>                            | <b>1.060.000.000</b> | <b>412.312.212</b> | <b>283.370.280</b> | <b>364.317.508</b> |                |                  |

**Biểu 34: Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi**

Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang

Địa chỉ: Khu Thù Trung, Phường Đằng Lâm, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

**BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Năm 2015

| Tên khách hàng                              | Số tiền nợ         | Thời gian quá hạn thanh toán | Tỷ lệ trích lập | Số cần lập dự phòng |
|---|--------------------|------------------------------|-----------------|---------------------|
| Công ty TNHH thương mại vận tải Hoàng Quân  | 45.250.000         | 13 tháng 20 ngày             | 50%             | 22.625.000          |
| ...   | ...                | ...                          | ...             | ...                 |
| Công ty TNHH thương mại vận tải Thành Trung | 85.000.000         | 6 tháng 15 ngày              | 30%             | 25.500.000          |
| <b>Tổng cộng</b>                            | <b>364.317.508</b> |                              |                 | <b>152.000.250</b>  |

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6422: 152.000.250

Có TK 1592:152.000.250

Kế toán lập phiếu nghiệp vụ trên và ghi vào sổ sách liên quan.

**KẾT LUẬN**

Qua quá trình tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang, em thấy ở công ty đã có nhiều bước tiến vượt bậc nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh trong điều kiện hiện nay. Công ty đã năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, không ngừng đáp ứng nhu cầu của khách hàng và chiếm được uy tín trên thị trường quản lý sản xuất kinh doanh và sự đóng góp quan trọng của công tác hạch toán kế toán. Bên cạnh đó công ty còn có đội ngũ cán bộ lãnh đạo và kế toán đầy năng lực, kinh nghiệm, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, bộ máy kế toán được tổ chức phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý và trình độ năng lực của từng cán bộ nhân viên kế toán. Công ty là một đơn vị chuyên dịch vụ vận chuyên, trong kỳ có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Vì vậy việc sử dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung là hợp lý vì nó cung cấp thông tin kịp thời, thuận tiện cho việc phân công công việc. Hệ thống sổ sách kế toán của công ty đầy đủ đúng quy định, từ đó các phần hành kế toán được thực hiện dễ dàng.

Qua đợt tìm hiểu này em cũng nhận ra những điểm khác biệt giữa lý thuyết và thực tế trong chuyên ngành kế toán. Mặc dù vẫn là những định khoản và các loại sổ, chứng từ đã được học trong nhà trường song em vẫn không tránh khỏi những nhầm lẫn hay chưa có sự thông hiểu rõ ràng.

Dưới góc độ là một sinh viên thực tập chưa có nhiều kinh nghiệm, trình độ nhận thức còn hạn chế nên trong bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo để báo cáo khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Cô giáo – Thạc sỹ Trần Thị Thanh Thảo, cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Vận Tải Thành Trang cùng toàn thể các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành báo cáo khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Nguyễn Thị Huyền Trang